

Land&Life

VOL.32 | NGHỆ AN | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**



NGHỆ AN (2021 - 2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố
Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2020 - 2025

32

JAN - 2022

Lưu hành nội bộ



Quý độc giả thân mến,

Ở số tạp chí trước, chúng ta đã cùng đi khám phá tỉnh Lào Cai với những mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ mới. Tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về 63 tỉnh thành của Việt Nam, Vol.32 Land&Life chúng tôi xin được giới thiệu đến Quý độc giả về tỉnh Nghệ An - một tỉnh thành thuộc vùng Bắc Trung Bộ của nước ta.

Nghệ An là tỉnh thành có diện tích lớn nhất cả nước. Với vị trí trung tâm của vùng, đồng thời có cả đường biên giới và đường biển đã tạo nên một vị trí chiến lược cho tỉnh trong mối giao lưu kinh tế - xã hội Bắc - Nam và phát triển kinh tế biển, kinh tế đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế, nhất là các nước Lào, Thái Lan và Trung Quốc.

Nhiệm kỳ mới, Nghệ An đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc, năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước với một số chỉ tiêu nội bật như: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,5 - 10,5%. Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 83 triệu đồng, thu ngân sách đạt 26.000 - 30.000 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư xã hội toàn giai đoạn khoảng 500 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 36%...

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.32 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

Chịu trách nhiệm nội dung



Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Man Tuan
Ho Man Tuan

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL., Sky City Towers

☎ +84 2437767065





10. Thành Phố Vinh



24. Huyện Quế Phong



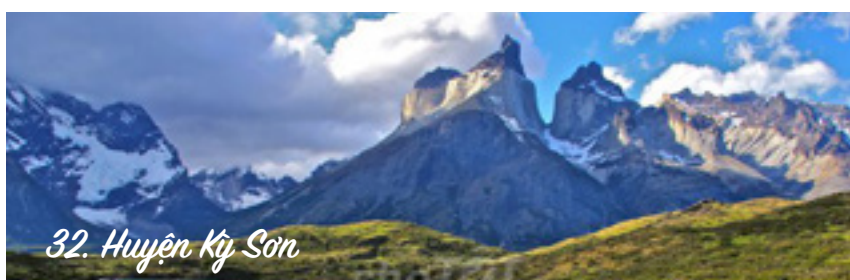
28. Huyện Quỳnh Châu



50. Huyện Con Cuông



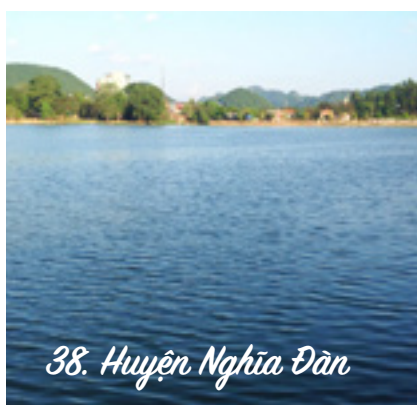
14. Thị Xã Cửa Lò



32. Huyện Kỳ Sơn



34. Huyện Tương Dương



38. Huyện Nghĩa Đàn



40. Huyện Quỳnh Hợp



20. Thị Xã Thái Hoà



46. Huyện Quỳnh Lưu



66. Huyện Yên Thành



80. Huyện Nam Đàn



54. Huyện Tân Kỳ



70. Huyện Đô Lương



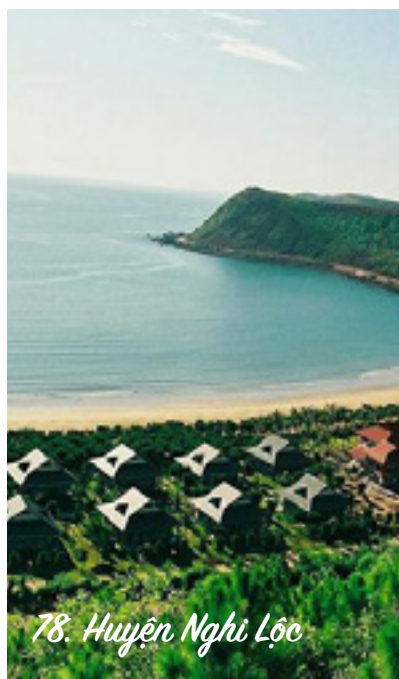
74. Huyện Thanh Chương



84. Huyện Hưng Nguyên



58. Huyện Anh Sơn



78. Huyện Nghi Lộc



62 Huyện Diễn Châu



88. Thị Xã Hoàng Mai



NGHỆ AN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

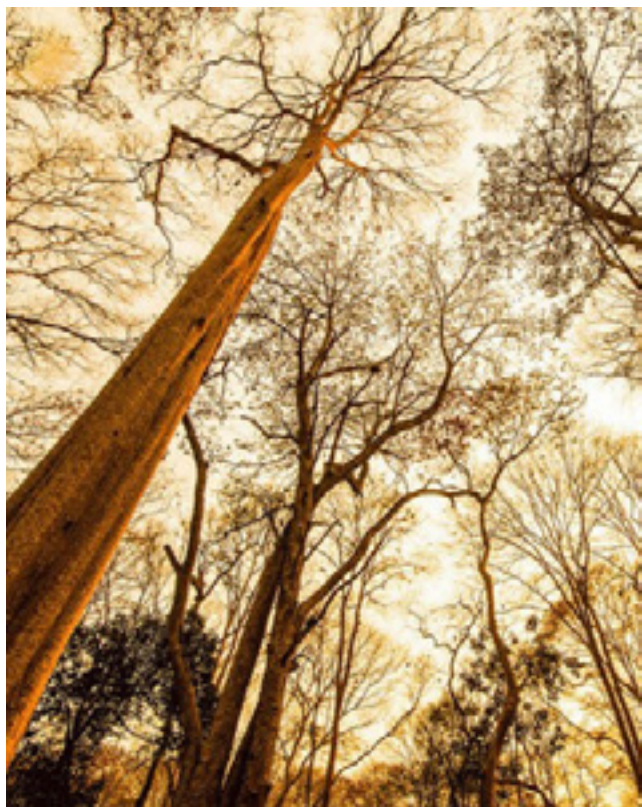
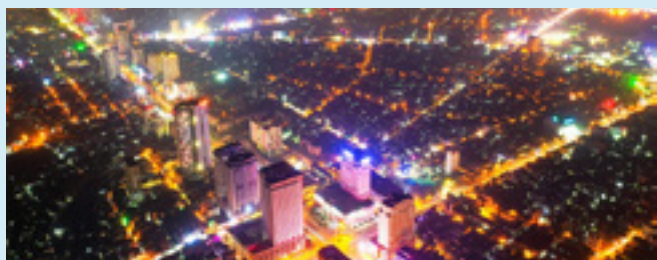
Nghệ An nằm ở vĩ độ 18°33' đến 20°01' vĩ độ Bắc, kinh độ 103°52' đến 105°48' kinh độ Đông, ở vị trí trung tâm vùng Bắc Trung Bộ.

Phía Bắc giáp tỉnh Thanh Hóa.

Phía Nam giáp tỉnh Hà Tĩnh.

Phía Tây giáp nước CHDCND Lào với 419 km đường biên giới trên bộ;

Phía Đông giáp biển Đông với đường bờ biển dài 82 km



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 16.490,25 km²

Dân số trung bình: 3.327.791 người.

Mật độ: 202 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Nghệ An gồm:

21 ĐVHC trực thuộc, bao gồm: Thành phố Vinh - đô thị loại 1 - trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh và của cả khu vực Bắc Trung bộ, 3 thị xã (Cửa Lò, Hoàng Mai, Thái Hoà); 17 huyện (Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thành, Đô Lương, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Tân Kỳ, Anh Sơn, Con Cuông, Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn);

460 ĐVHC cấp xã (gồm 411 xã, 32 phường, 17 thị trấn).



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, con người xứ Nghệ, ý chí tự cường và khát vọng vươn lên; chủ động đổi mới sáng tạo, đưa Nghệ An phát triển nhanh và bền vững; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2025 Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc, năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước.



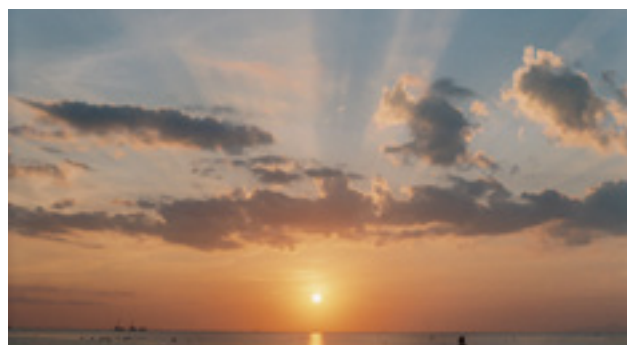
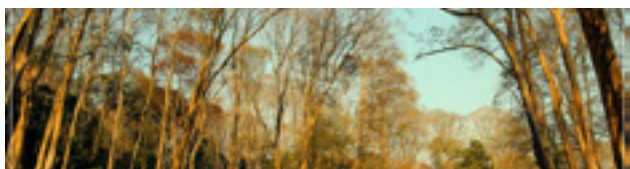
KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,5 - 10,5%/năm.
- GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt khoảng 83 triệu đồng.
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp 19 - 20%; công nghiệp và xây dựng 38 - 39%; dịch vụ 42 - 43%.
- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt 1,765 tỷ USD.
- Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 26.000 - 30.000 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 500 ngàn tỷ đồng.
- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2025 đạt 36%.



VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Tỷ lệ làng, bản, khối phố văn hoá: 71 - 73%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hoá, thể thao đạt tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 82%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025: 75 - 78%.
- Đến năm 2025, có 13 bác sĩ và 39 giường bệnh trên 1 vạn dân; 93% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế, 90% trạm y tế xã có bác sĩ công tác.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm 1,2%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 71,5%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ 31%. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 37 - 38 ngàn lao động. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 3%.
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm mỗi năm khoảng 1 - 1,5%, trong đó vùng miền núi 2 - 3%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 26 - 27%.
- Đến năm 2025, có 82% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu) và 11 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng, đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó, có 1 huyện đạt huyện nông thôn mới kiểu mẫu).





MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ người dân đô thị loại IV trở lên được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 93 - 95%. Tỷ lệ người dân đô thị loại V được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 85 - 87%. Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn đạt 90%.
- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2025 đạt 100%.
- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đến năm 2025 đạt 100%.
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị đạt 97%. Tỷ lệ chất thải thu gom được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường 90%.
- Tỷ lệ che phủ rừng 58%.





QUỐC PHÒNG AN NINH

- Đến năm 2025, 100% đơn vị cấp huyện có tiềm lực và thế trận khu vực phòng thủ vững chắc; trên 90% đơn vị cấp xã vững mạnh toàn diện, an toàn làm chủ.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Hàng năm có 90% số tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, phần đầu không có tổ chức cơ sở đảng bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.
- Đến năm 2025, phần đầu 100% khối, xóm, bản có tổ chức đảng; 99% khối, xóm, bản có đảng viên tại chỗ; 90% khối, xóm, bản trở lên có xóm trưởng là đảng viên.
- Kết nạp mới bình quân hàng năm 4.500 - 5.000 đảng viên.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. Phần đầu đến năm 2025:
- Cấp tỉnh: Có từ 10 - 15% cán bộ lãnh đạo, quản lý dưới 40 tuổi; từ 10 - 15% cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; phần đầu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên, có cán bộ nữ trong ban thường vụ.
- Cấp huyện: Có từ 10 - 15% cán bộ lãnh đạo chủ chốt và ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện dưới 40 tuổi; cơ bản hoàn thành việc bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không phải là người địa phương; phần đầu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ.
- Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã: 100% có trình độ đại học, cao đẳng và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác.
- Đến năm 2025, chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.



TP. Vinh

DIỆN TÍCH DÂN SỐ

Diện tích: 104,5 km²

Dân số trung bình: 339.114 người.

Mật độ: 3.230 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Vinh được chia thành 25 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 16 phường: Bến Thủy, Cửa Nam, Đội Cung, Đông Vĩnh, Hà Huy Tập, Hồng Sơn, Hưng Bình, Hưng Dũng, Hưng Phúc, Lê Lợi, Lê Mao, Quán Bàu, Quang Trung, Trung Đô, Trường Thi, Vinh Tân và 9 xã : Hưng Chính, Hưng Đông, Hưng Hòa, Hưng Lộc, Nghi Ân, Nghi Đức, Nghi Kim, Nghi Liên, Nghi Phú.



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Vinh có tọa độ địa lý từ $18^{\circ}38'50''$ đến $18^{\circ}43'38''$ vĩ độ Bắc, từ $105^{\circ}56'30''$ đến $105^{\circ}49'50''$ kinh độ Đông, là thành phố trực thuộc tỉnh Nghệ An, là trung tâm kinh tế và văn hóa lớn nhất khu vực Bắc Trung Bộ và là đầu mối quan trọng trong cửa ngõ kinh tế giữa Myanmar, Thái Lan, Lào và Việt Nam.

Có vị trí địa lý:

Phía Tây và Tây Bắc, giáp huyện Hưng Nguyên

Phía Nam và Đông Nam giáp huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

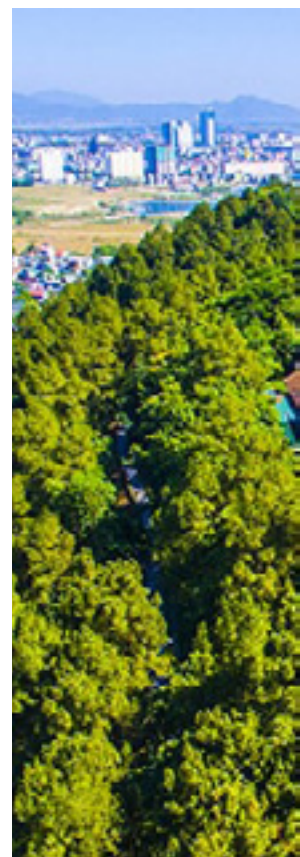
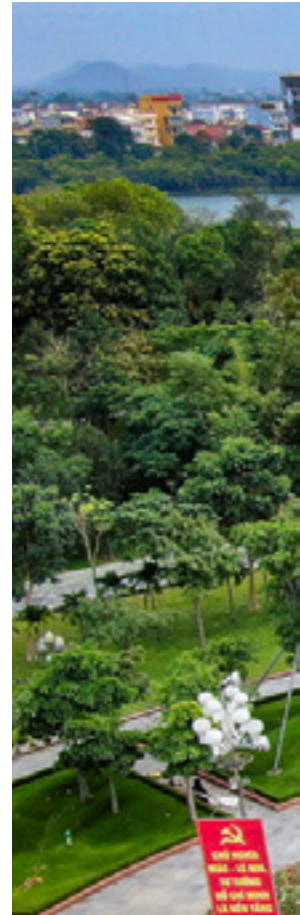
Phía Bắc giáp huyện Nghi Lộc.

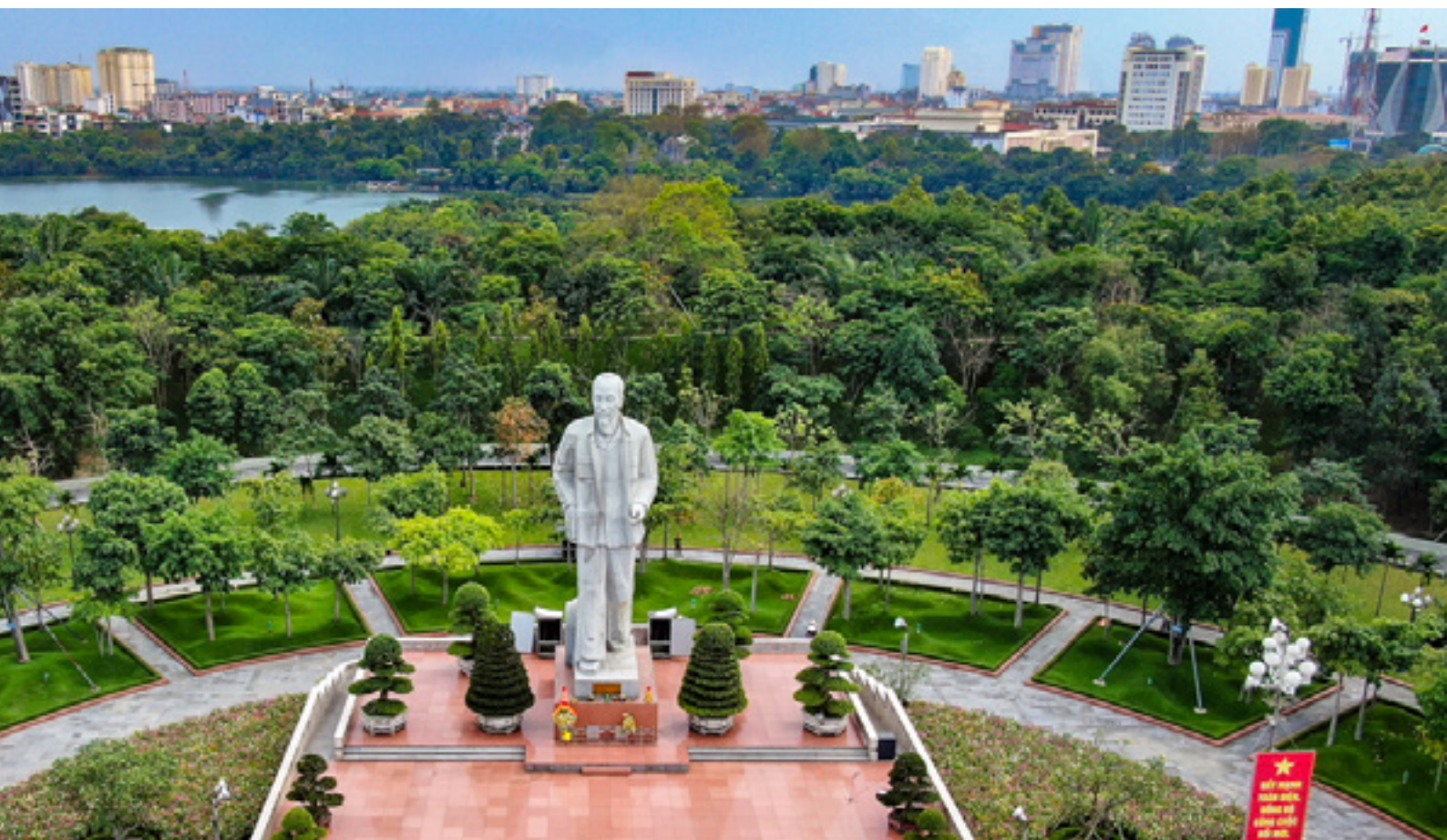


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Mở rộng không gian đô thị, huy động hiệu quả mọi nguồn lực đưa thành phố Vinh phát triển nhanh, bền vững; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Từng bước xây dựng nền tảng của đô thị thông minh và trở thành trung tâm của vùng Bắc Trung bộ trên một số lĩnh vực: Thương mại, du lịch, công nghệ thông tin, y tế, giáo dục - đào tạo

- Tốc độ tăng trưởng GTGT giai đoạn năm 2021 - 2025: 10 - 11%. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng: 33-34%; dịch vụ: 65 - 66%; nông nghiệp: 0,5 - 1%.
- Giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2025: 170 - 175 triệu đồng.
- Thu ngân sách đến năm 2025 trên địa bàn đạt: 8.500 tỷ đồng; trong đó phân cấp thành phố quản lý năm 2025: 2.805 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2020 - 2025: 130.000 tỷ đồng.
- Tỷ lệ lao động được đào tạo trên 73%, trong đó tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt 50%. Số lao động được giải quyết việc làm hàng năm là 4.500 người.
- Tỷ lệ giảm hộ nghèo hàng năm: 0,01- 0,02%; phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn dưới 0,15% và giảm nghèo bền vững đối với những hộ cận nghèo.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom: 100%; phấn đấu 98% lượng chất thải thu gom được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Tỷ lệ phường, xã đạt an toàn về ANTT: 80%; tỷ lệ giảm tội phạm hàng năm 5%.





- Đảng bộ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể thành phố: Hàng năm được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Hàng năm có 90% số tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, phần đầu không có tổ chức cơ sở đảng bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ



THỊ XÃ CỬA LÒ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Cửa Lò là một thị xã nằm ở phía Đông của tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp Biển Đông

Phía Tây và phía Bắc giáp huyện Nghi Lộc

Phía Nam giáp huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 27,81 km²

Dân số trung bình: 55.668 người.

Mật độ: 1.993 người/km²

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Thị xã Cửa Lò có 7 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 7 phường: Nghi Hải, Nghi Hòa, Nghi Hương, Nghi Tân, Nghi Thu, Nghi Thủy, Thu Thủy.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (Giá so sánh năm 2010)
- là 13 -14%, tầm nhìn năm 2030 tăng bình quân 11 - 12% so với 2025.
- Tổng GTSX đạt 19.810 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 2020, tầm nhìn năm 2030 đạt 34.140 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: đạt từ 36.000 - 37.000 tỷ đồng,
- tầm nhìn năm 2030 đạt: 60.000 tỷ đồng.
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư 2 - 3% (tầm nhìn năm 2030: 1- 2 %), Công nghiệp - xây dựng 32 - 33% (tầm nhìn năm 2030: 30 - 31 %), Dịch vụ 65 - 66% (tầm nhìn năm 2030: 68 - 69%).
- Nông, lâm, ngư tăng bình quân 3 - 4% (đến năm 2030 tăng 2 - 3%).
- Công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 12 - 13% (đến năm 2030 tăng 10 - 11%).
- Dịch vụ tăng bình quân 14 -15% (tầm nhìn năm 2030 tăng 13 - 14 %); tổng lượng khách du lịch 5,5 - 6 triệu lượt khách, tầm nhìn năm 2030: 7-7,5 triệu lượt khách.
- GTGT bình quân đầu người năm 2025 đạt 240 - 250 triệu đồng (tương đương 10.500 - 11.500 USD), tầm nhìn năm 2030 đạt 390 - 400 triệu đồng.
- Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 650 - 700 tỷ, tầm nhìn năm 2030 đạt 900 - 950 tỷ đồng (loại trừ thu cấp QSD đất).

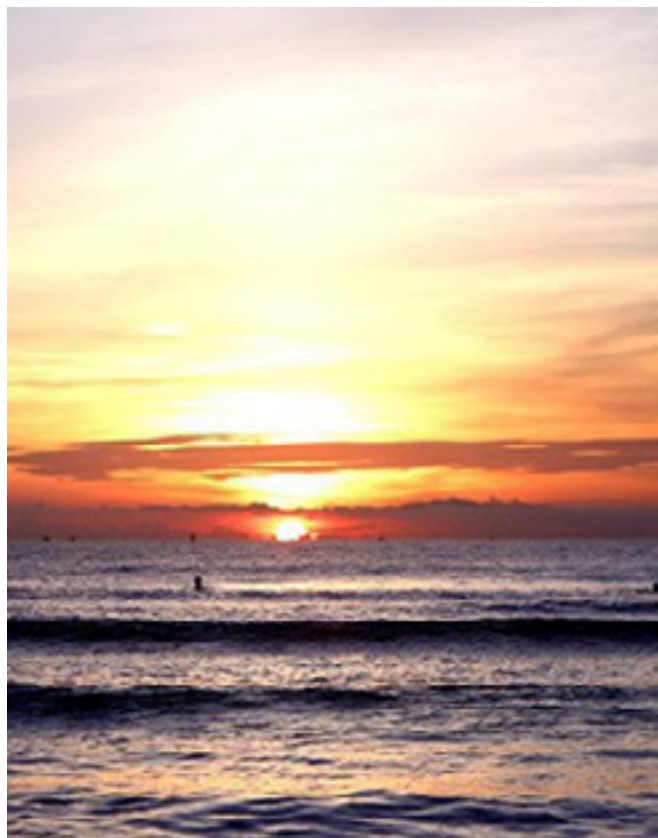
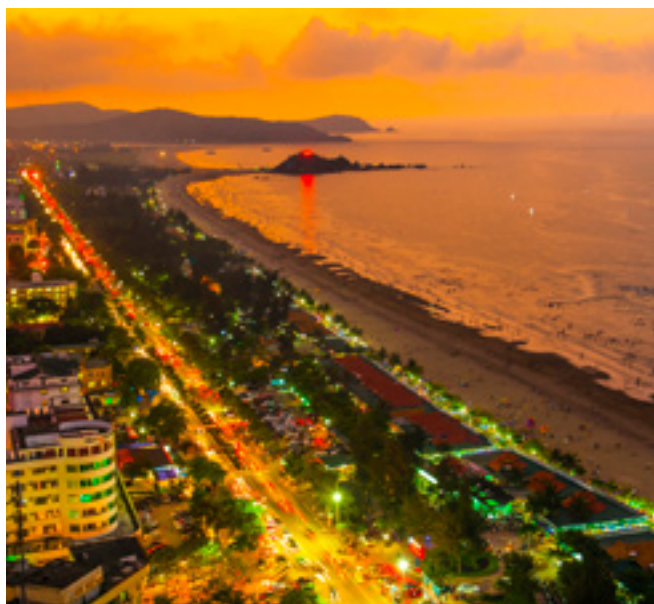


MÔI TRƯỜNG

- Phấn đấu cơ bản 100% rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và kinh doanh được thu gom và xử lý đúng quy trình.
- 100% cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để.
- 100% các hộ dân, cơ quan, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ được dùng nước hợp vệ sinh, trong đó có 95% - 96% dùng nước máy.

QUỐC PHÒNG AN NINH

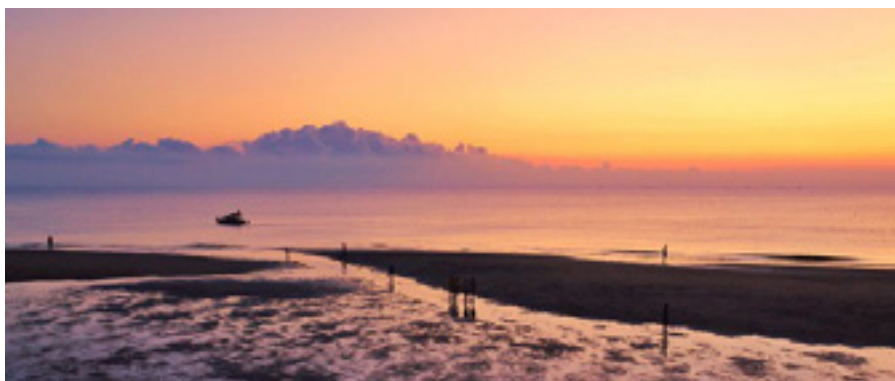
- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; 100% phường vững mạnh toàn diện; 2 cụm phường an toàn làm chủ.
- Xây dựng lực lượng công an, quân sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; sẵn sàng và nhận hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, các cơ quan nội chính, tư pháp được xếp loại xuất sắc.





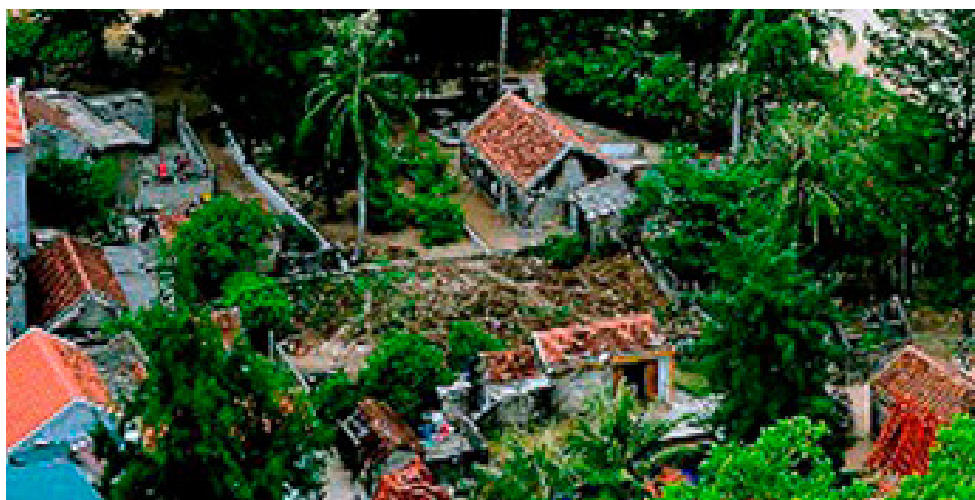
KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (Giá so sánh năm 2010)
- là 13 -14%, tầm nhìn năm 2030 tăng bình quân 11 - 12% so với 2025.
- Tổng GTSX đạt 19.810 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 2020, tầm nhìn năm 2030 đạt 34.140 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: đạt từ 36.000 - 37.000 tỷ đồng,
- tầm nhìn năm 2030 đạt: 60.000 tỷ đồng.
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư 2 - 3% (tầm nhìn năm 2030: 1- 2 %), Công nghiệp - xây dựng 32 - 33% (tầm nhìn năm 2030: 30 - 31 %), Dịch vụ 65 - 66% (tầm nhìn năm 2030: 68 - 69%).
- Nông, lâm, ngư tăng bình quân 3 - 4% (đến năm 2030 tăng 2 - 3%).
- Công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 12 - 13% (đến năm 2030 tăng 10 - 11%).
- Dịch vụ tăng bình quân 14 -15% (tầm nhìn năm 2030 tăng 13 - 14 %); tổng lượng khách du lịch 5,5 - 6 triệu lượt khách, tầm nhìn năm 2030: 7-7,5 triệu lượt khách.
- GTGT bình quân đầu người năm 2025 đạt 240 - 250 triệu đồng (tương đương 10.500 - 11.500 USD), tầm nhìn năm 2030 đạt 390 - 400 triệu đồng.
- Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 650 - 700 tỷ, tầm nhìn năm 2030 đạt 900 - 950 tỷ đồng (loại trừ thu cấp QSD đất).



VĂN HOÁ - XÃ HỘI

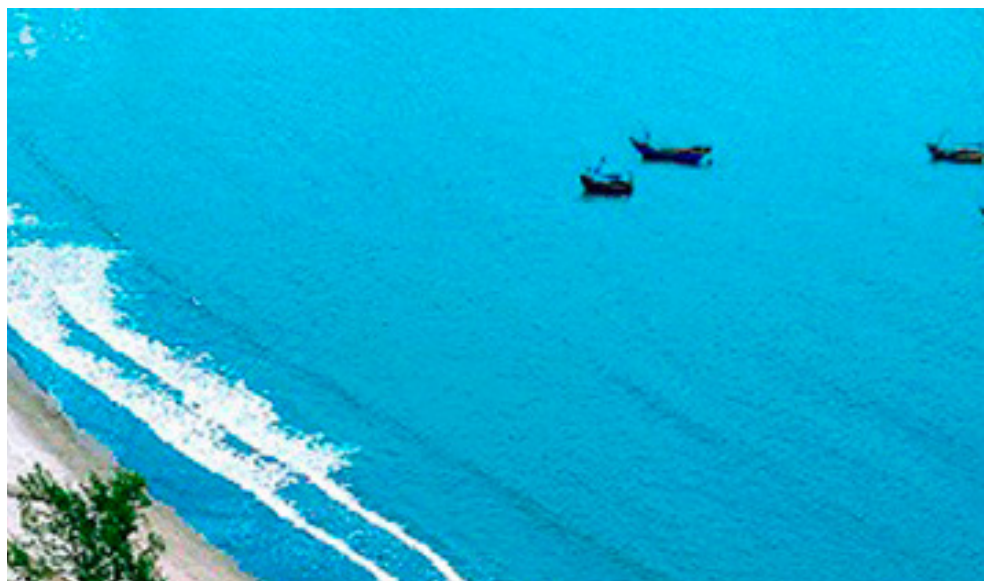
- Quy mô dân số: 60.000 người (năm 2025) và 65.000 người (năm 2030).
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng: dưới 7%.
- 13 bác sỹ/vận dân, 60 - 65 giường bệnh/vận dân (không tính giường bệnh của trạm y tế), 7/7 phường có bác sỹ và đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế : 95%.
- Giữ vững 100% trường đạt chuẩn Quốc gia và phấn đấu 100% đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề phấn đấu đạt 75%, trong đó có 35% đào tạo có chứng chỉ.
- Tạo thêm việc làm hàng năm cho 1.200 - 1.500 lao động.
- Phấn đấu 80 - 85% hộ gia đình và 75 - 80% khối đạt văn hóa (theo tiêu chí mới).
- Phấn đấu 5/7 phường đạt chuẩn văn minh đô thị đến năm 2025 và 7/7 phường đến năm 2030. Mỗi phường xây dựng ít nhất 2-3 khu dân cư kiểu mẫu. 7/7 phường có thiết chế văn hóa thể thao đạt chuẩn.
- Phấn đấu đến năm 2025 còn dưới 0,5% và đến năm 2030 cơ bản không có hộ nghèo (theo tiêu chí hiện nay).





XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Hàng năm, 95% tổ chức cơ sở Đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Đảng bộ thị xã xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, phấn đấu đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Hàng năm 100% tập thể lãnh đạo, quản lý và cán bộ lãnh đạo, quản lý xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở nhiệm kỳ kết nạp trên 300 đảng viên mới.
- Thành lập 2 - 5 tổ chức Đảng trong doanh nghiệp tư nhân.
- Hàng năm, phấn đấu đạt top 5 đơn vị đứng đầu trong 21 huyện, thành, thị về kết quả chỉ số xếp
- hạng cải cách hành chính.
- 100% cán bộ, công chức thị xã có trình độ chuyên môn đại học trở lên, trên 85% có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên. Trên 90% cán bộ, chuyên trách các phường có trình độ đại học chuyên môn, 80% có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên.
- 100% cơ quan, đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.
- Hàng năm chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể thị xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; phấn đấu 1 - 2 tổ chức được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.



THỊ XÃ THÁI HOÀ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thị xã Thái Hòa nằm ở phía Bắc và thuộc vùng Tây Bắc tỉnh Nghệ An trên toạ độ: từ 19°13' – 19°33' vĩ độ Bắc và 105°18' – 105°35' kinh độ Đông, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Quỳnh Lưu

Các phía còn lại giáp huyện Nghĩa Đàn.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 135,14 km²

Dân số trung bình: 66.127 người.

Mật độ: 490 người/km²

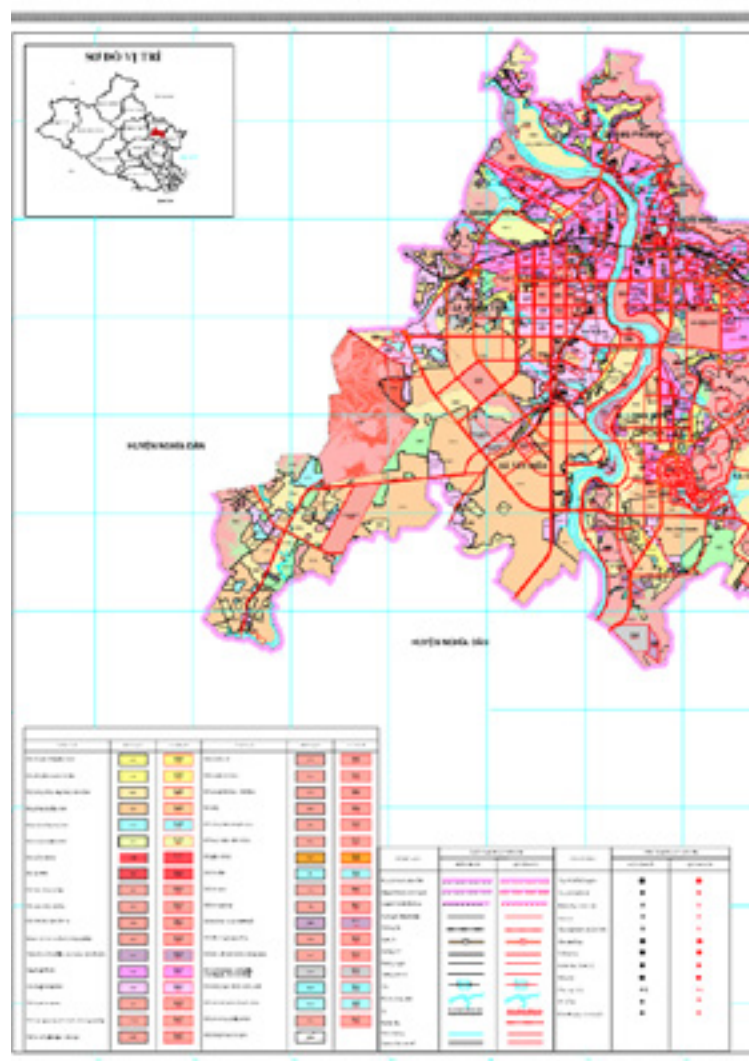
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Thái Hòa có 9 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 4 phường: Hòa Hiếu, Long Sơn, Quang Phong, Quang Tiến và 5 xã: Đông Hiếu, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Thuận, Nghĩa Tiến, Tây Hiếu.



BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

THỊ XÃ THÁI HÒA - TỈNH NGHỆ AN





ÁT GIAI ĐOẠN 2021-2030 **GHỆ AN**

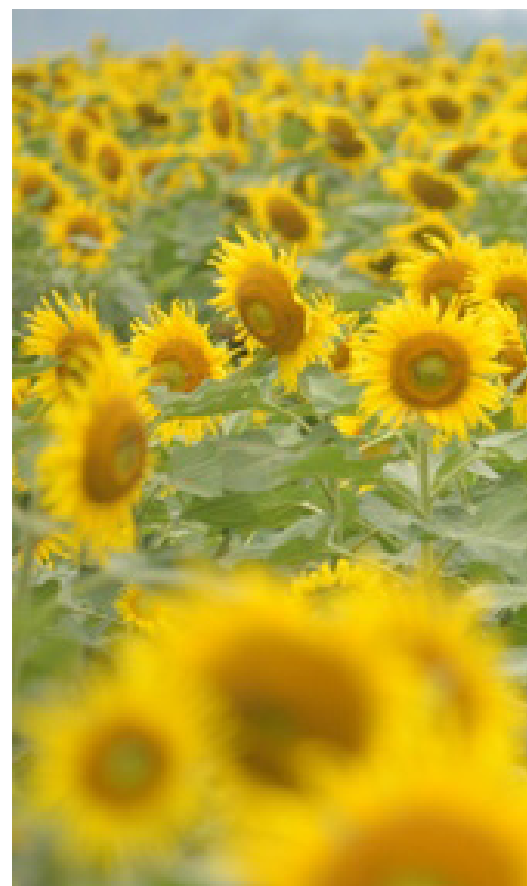


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH **GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,5 - 10,5%.
- Giá trị tăng thêm bình quân đầu người/năm đạt 83 - 85 triệu đồng vào năm 2025.
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 24-25%
- Dịch vụ 61,5-62,5%; Nông, lâm, thủy sản 13-14%;
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 320 - 350 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2025 đạt khoảng 23.000 - 25.000 tỷ đồng.
- Phấn đấu xây dựng, phát triển 1 xã đủ tiêu chuẩn thành lập phường; 3 - 4 phường đạt chuẩn văn minh đô thị.
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 55 - 60%.
- Nâng cao tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó phấn đấu đến năm 2025 có 1-2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.



- Hằng năm, chính quyền thị xã được xếp loại tốt trở lên, trong đó, phần đầu 1 - 2 năm đạt “Xuất sắc”; 90% chính quyền cấp cơ sở được xếp loại “Tốt” trở lên, không có đơn vị xếp loại “Trung bình”.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức các cấp đạt các tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định đạt 90 - 95%; 100% cán bộ chuyên trách xã, phường có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác.
- 100% thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại bộ phận lễ; trên 95% hồ sơ được giải quyết dung hạn; 80 - 90% danh mục thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3; Có hồ Sơ được xử lý ở mức độ 4; chỉ cải cách hành chính đứng trong nhóm 5 đơn vị tốp đầu của toàn tỉnh.
- Số lượng đảng viên kết nạp mới cả nhiệm kỳ đạt khoảng 550 - 600 đảng viên, trong đó phần đầu kết nạp được ít nhất 20 đảng viên trong các doanh nghiệp.



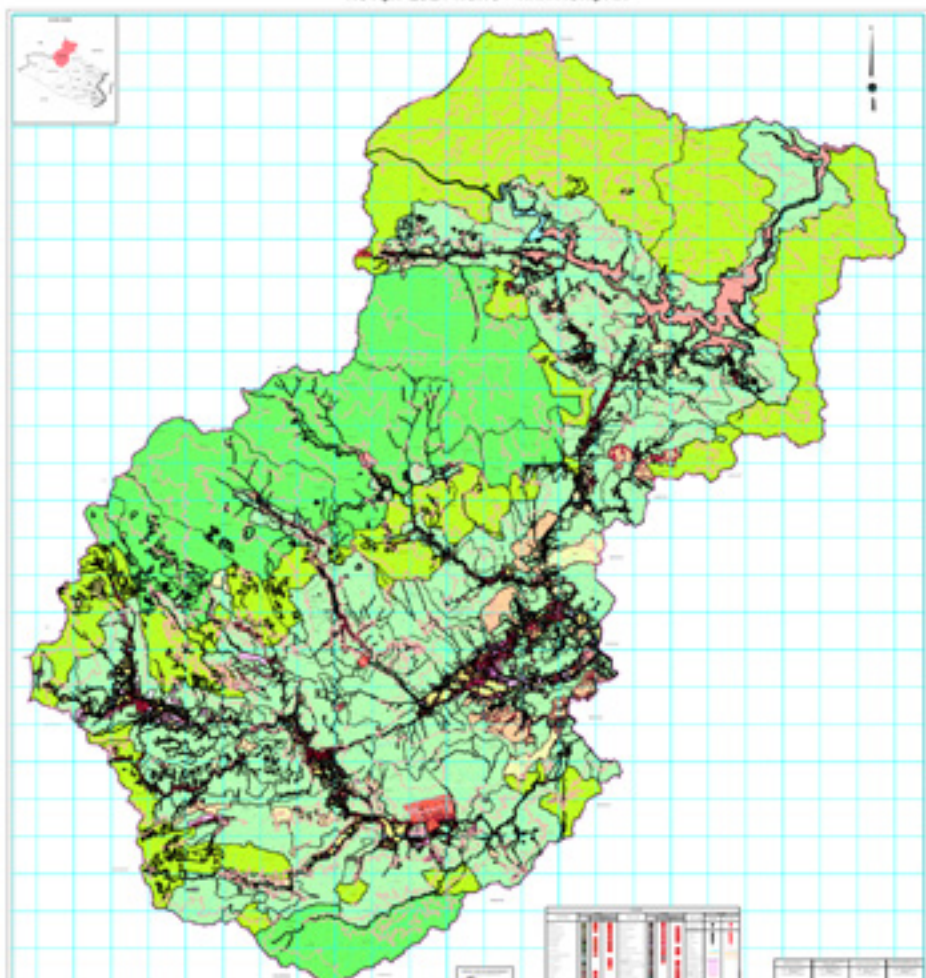


- Tỷ lệ trường học chuẩn Quốc gia: 100%, trong đó trường đạt chuẩn Quốc gia (mức độ 2): 74 - 80%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt: 78 - 80%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 75%; Bình quân hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng: 2.200 - 2.500 người.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều mỗi năm: 0,1 - 0,2%/năm; Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,5%.
- Tỷ lệ hộ dân đô thị được dùng nước sạch: 99,3 - 95%; Tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh 98,2%.
- Hằng năm, Đảng bộ thị xã Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, trong đó phần đầu 1-2 năm đạt danh hiệu “vững mạnh”; 90% tổ chức cơ sở Đảng cấp cơ sở được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có tổ chức Đảng xếp loại “Yếu kém”.



HUYỆN QUẾ PHONG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
HUYỆN QUẾ PHONG - TỈNH NGHỆ AN



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Quế Phong có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Kim Sơn và 12 xã: Cẩm Muộn, Châu Kim, Châu Thôn, Đồng Văn, Hạnh Dịch, Mường Nọc, Nậm Giải, Nậm Nhoóng, Quang Phong, Thông Thụ, Tiền Phong, Tri Lễ.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Quế Phong là một huyện miền núi nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Nam và Đông Nam giáp huyện Quỳnh Châu

Phía Tây Nam giáp huyện Tương Dương

Phía Tây giáp Lào

Phía Bắc và phía Đông giáp huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

DIỆN TÍCH DÂN SỐ

Diện tích: 1.890,32 km²

Dân số trung bình: 71.940 người.

Mật độ: 38 người/km²



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 -2025, TẦM NHÌN 2030

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh, phát triển bền vững; đảm bảo quốc phòng – an ninh, đối ngoại; quyết tâm đưa Quế Phong trở thành huyện khá của vùng Tây Bắc tỉnh Nghệ An.



QUỐC PHÒNG - AN NINH

- Xây dựng 01- 02 công trình chiến đấu trọng điểm trong khu vực phòng thủ huyện.
 - Hàng năm 85 - 90% các xã, thị trấn đạt CỐ SỞ an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, vững mạnh toàn diện.
 - Có 90 - 100% xã, thị trấn; 85- 100% CƠ quan, doanh nghiệp, trường học đạt loại khá trở lên trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.
-

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng GTGT bình quân hàng năm: 9-10%, trong đó, huyện quản lý 7-750. %
- Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) 42-45 triệu đồng/năm.
- Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ 32,2%; Nông lâm thủy sản 36,8%; Công nghiệp - xây dựng 31 %
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng hàng năm từ 15% trở lên, đến năm 2025 đạt 50 - 55 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 5.500 tỷ
- Có từ 2-3 xã đạt tiêu chí NTM. Có thêm 20 thôn, bản đạt chuẩn NTM, nâng số thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn huyện lên 46 thôn, bản và có thôn, bản đạt NTM kiểu mẫu. Bình quân toàn huyện đạt 15 tiêu chí/xã và không còn xã đạt dưới 11 tiêu chí.



XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Hằng năm 100% các ban Đảng, UBKT và Văn phòng Huyện ủy; MTTQ và đoàn thể chính trị xã hội, các phòng, ban, ngành cấp huyện được tinh xếp loại HTTNV trở lên.
- Có 90 - 95% TCCS Đảng HTTNV trở lên, không có TCCS yếu kém.
- Có 100% cán bộ, công chức cấp huyện và CƠ SỞ đáp ứng yêu cầu để án vị trí việc làm.
- Cả nhiệm kỳ kết nạp từ 450 - 500 đảng viên mới.
- Phần đầu hằng năm Đảng bộ huyện được tinh xếp loại HTTNV, trong đó 12 năm được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

- Có 37/45 trường học đạt chuẩn quốc gia vào năm 2025, trong đó có 4 trường đạt chuẩn mức độ 2 (vào năm 2025).
- Có trên 64% Số thôn, bản đạt Làng văn hóa.
- Có 4/3 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về thiết chế VH-TT.
- 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; có bác sỹ/vận dân và có giường bệnh vận dân; tỷ lệ xã có bác sỹ đạt 100%.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân hằng năm 12%.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 2,5%.
- Có trên 90% Số dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có trên 60% đạt theo tiêu chuẩn 51/BNN của Bộ NN & PTNT.
- Có trên 95% Số thôn bản có điện lưới; 99% số hộ được dùng điện lưới Quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.
- Có 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp.
- Tạo việc làm cho người lao động bình quân 1.500 - 1.600 người/năm, trong đó
- lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài bình quân 180 - 200 người/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 3,0 - 4,0%/năm.
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 75,5%; trồng mới 600-700 ha nét; trồng mới 150 - 200 ha cao su.
- Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt trên 80%.





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

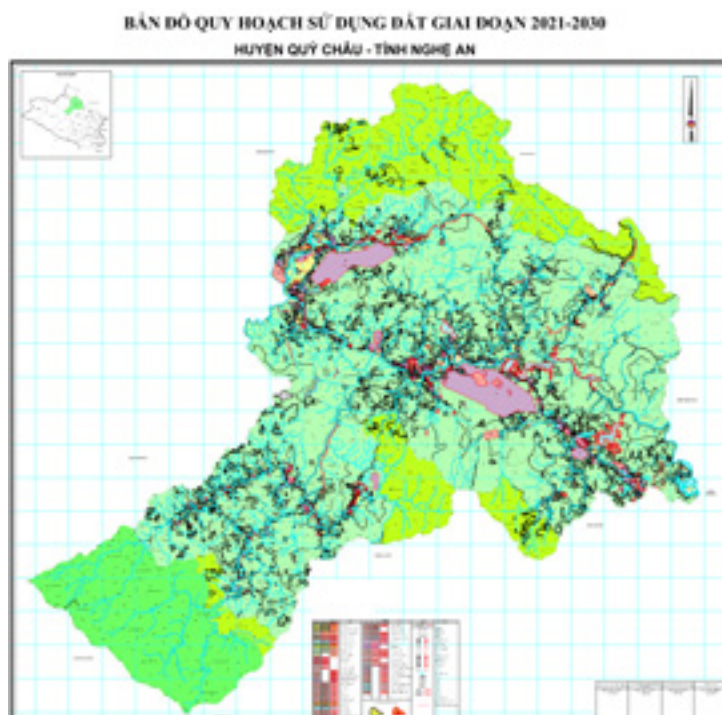
Quỳ Châu là một huyện vùng cao của tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Quế Phong và huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Phía Nam giáp huyện Con Cuông và huyện Quỳnh Hợp

Phía Tây giáp huyện Tương Dương

Phía Đông giáp huyện Nghĩa Đàn và huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Diện tích: 1.058,04 km²

Dân số trung bình: 57.813 người.

Mật độ: 55 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Quỳ Châu có 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Tân Lạc và 11 xã: Châu Bính, Châu Bình, Châu Hạnh, Châu Hoàn, Châu Hội, Châu Nga, Châu Phong, Châu Thắng, Châu Thuận, Châu Tiến, Diên Lãm.

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2021-2025: 9% - 10%.
- Giá trị gia tăng bình quân đầu người đến 2025: 60 triệu đồng/năm.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm, ngư nghiệp 43,7%; Công nghiệp - Xây dựng 25,6%; Dịch vụ 30,7%
- Giá trị gia tăng bình quân đầu người đến 2025: 60 triệu đồng/năm.
- Tổng đầu tư toàn xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025: 2.000 tỷ đồng.
- Số xã đạt chuẩn Nông thôn mới đến năm 2025: 3 xã.
- Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025: 40 - 45 tỷ đồng.
- Diện tích trồng rừng hàng năm: 1.500 - 1.700 ha.



VĂN HOÁ, XÃ HỘI

- Tỷ lệ gia đình văn hóa đến năm 2025: 85% - 90%.
- Tỷ lệ bản, khối được công nhận “Khu dân cư văn hóa” đến năm 2025: 85% - 90%.
- Số trường đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2025: 35 trường.
- Mức giảm tỷ lệ sinh hàng năm: 0,05% - 0,06%.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm: 8‰ - 9‰.
- Số bác sỹ/vận dân đến năm 2025: 9 bác sỹ.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đến năm 2025: 8%.
- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo đến năm 2025: 50% - 55%.
- Tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm từ 2% - 3%.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG

- Hằng năm có ít nhất 90% tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có tổ chức cơ sở Đảng xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm từ 80% trở lên.
- Đến năm 2025 có trên 90% cán bộ, công chức đạt các tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.
- Hằng năm kết nạp từ 130 - 150 đảng viên.
- Giữ vững 100% khối, bản có tổ chức đảng và đảng viên. Có 95% khối, bản có khối trưởng, trưởng bản là đảng viên.

MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025: 75% - 78%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2025: 96%.
- Tỷ lệ chất thải được thu gom và xử lý: 80% - 85%.

QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Hàng năm có 95% - 100% xã, thị trấn đạt vững mạnh toàn diện, cụm an toàn làm chủ.
- Hàng năm có trên 80% xã, thị trấn và 85% - 100% cơ quan, doanh nghiệp, trường học, đơn vị đạt loại khá trở lên trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”.



HUYỆN KỲ SƠN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Kỳ Sơn là một huyện miền núi nằm ở phía tây tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Xam Neua (Sầm Nưa), tỉnh Huaphanh, Lào

Phía Tây giáp các huyện Nong Het (Noọng Hét) và Mok May, tỉnh Xiengkhuang, Lào

Phía Nam giáp các huyện Khamkeuth và Viengthong, tỉnh Borikhamxay), Lào.

Phía Đông giáp huyện Tương Dương.



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Kỳ Sơn có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Mường Xén và 20 xã: Bắc Lý, Bảo Nam, Bảo Thắng, Chiêu Lưu, Đọc Mạ, Huồi Tụ, Hữu Kiệm, Hữu Lập, Keng Đu, Mường Ái, Mường Lống, Mường Típ, Mỹ Lý, Na Lôi, Na Ngòi, Nậm Cắn, Nậm Cắn, Phà Đánh, Tà Ca, Tây Sơn.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 2.094,84 km²

Dân số trung bình: 80.288 người.

Mật độ: 38 người/km²





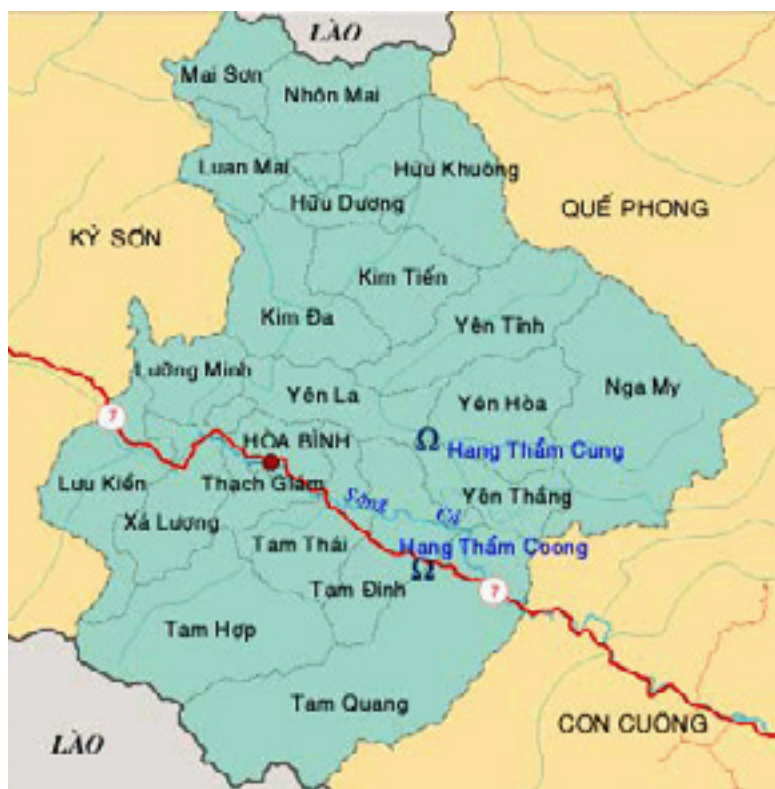
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Tăng cường vững chắc khối đại đoàn kết các dân tộc; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ, sức mạnh tổng hợp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại; thực hiện tốt an sinh xã hội; phát huy hiệu quả tiềm năng lợi thế của huyện, phấn đấu xây dựng Kỳ Sơn sớm thoát nghèo, phát triển bền vững.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (giá 2010) bình quân 5 năm đạt 6% - 7%.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt: 25 tỷ đồng/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 35 - 40 triệu đồng/người/năm.
- Mục tiêu có thêm 3 xã đạt nông thôn mới và có thêm 30 bản đạt chuẩn nông thôn mới.
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 giảm còn 29 - 32% (giảm: 3 - 3,5 %/năm).



HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Tương Dương có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Thạch Giám và 16 xã: Hữu Khuông, Lương Minh, Lưu Kiến, Mai Sơn, Nga My, Nhôn Mai, Tam Đình, Tam Hợp, Tam Quang, Tam Thái, Xá Lương, Xiêng My, Yên Hòa, Yên Na, Yên Thắng, Yên Tĩnh.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 2.812,07 km²

Dân số trung bình: 77.830 người.

Mật độ: 28 người/km²

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tương Dương là một huyện miền núi vùng cao nằm ở phía Tây Nam tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Tây giáp huyện Kỳ Sơn

Phía Bắc và Nam giáp Lào

Phía Đông Bắc giáp huyện Quế Phong

Phía Đông giáp huyện Quỳnh Châu

Phía Đông Nam giáp huyện Con Cuông.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ và trách nhiệm của hệ thống chính trị, đoàn kết toàn dân, phát huy ý chí khát vọng vươn lên, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.



KINH TẾ

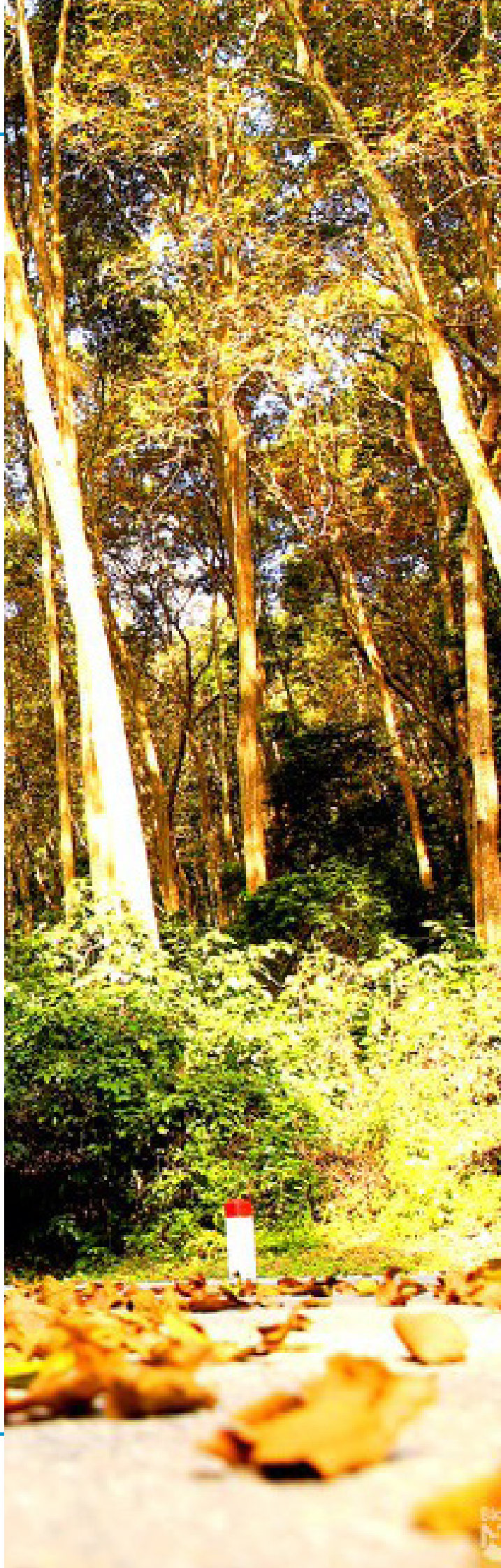
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2020-2025: 10-11%.
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, thủy sản 33-34%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 25-26%, thương mại – dịch vụ: 41-42%.
- Thu nhập bình quân đầu người: 45-50 triệu đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 đạt: 55 tỷ đồng.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 22.000 tấn.
- Trồng rừng: 4.000 ha.
- Đến năm 2025, phấn đấu 4 xã đạt NTM, đưa số xã đạt NTM lên 50% và 20 bản đạt chuẩn NTM; 01 xã đạt NTM nâng cao.
- 100% các xã có đường ô tô vào trung tâm xã đi trong nội huyện; tỷ lệ bản có đường ô tô đến trung tâm xã 98%.
- 100% bản có điện lưới quốc gia.
- Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025: 4.500 tỷ đồng

QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Tỷ lệ xã, thị trấn vững mạnh toàn diện trên 94%; 100% cụm xã thị trấn an toàn làm chủ đạt loại khá;
- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn về ANTT trên 47%.

VĂN HOÁ, XÃ HỘI

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,95%.
- Tỷ lệ giảm nghèo bình quân hàng năm 3-4%.
- Tỷ lệ làng, bản văn hóa 80%; tỷ lệ gia đình văn hóa 80%; tỷ lệ xã, thị trấn có thiết chế văn hoá, thể thao đạt chuẩn quốc gia 47-53%; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới 47%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 65-70%.
- Phấn đấu đến năm 2025 có 10 bác sĩ/vận dân; 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% số xã đạt tiêu chí phù hợp với trẻ em.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD: 14,5%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 19,5%; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 1.200 lao động.
- Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động tham gia BHXH: 15,8%; tỷ lệ người tham gia BHYT 100%.
- Môi trường
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt chuẩn môi trường: 85%. Tỷ lệ chất thải đô thị được thu gom, xử lý 90%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 99%. Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch 70%.
- Tỷ lệ che phủ rừng: Giữ ổn định 79,14%.



HUYỆN NGHĨA ĐÀN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Nghĩa Đàn là một huyện miền núi, nằm trong vùng sinh thái phía tây bắc tỉnh Nghệ An có tọa độ 19°13' - 19°33' vĩ độ Bắc, 105°18' - 105°35' kinh độ Đông, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Quỳnh Lưu

Phía Tây giáp huyện Quỳ Châu và Quỳ Hợp

Phía Nam giáp huyện Tân Kỳ

Phía Bắc giáp huyện Như Xuân và huyện Như Thanh thuộc tỉnh Thanh Hóa

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 617,55 km²

Dân số trung bình: 140.515 người.

Mật độ: 228 người/km²

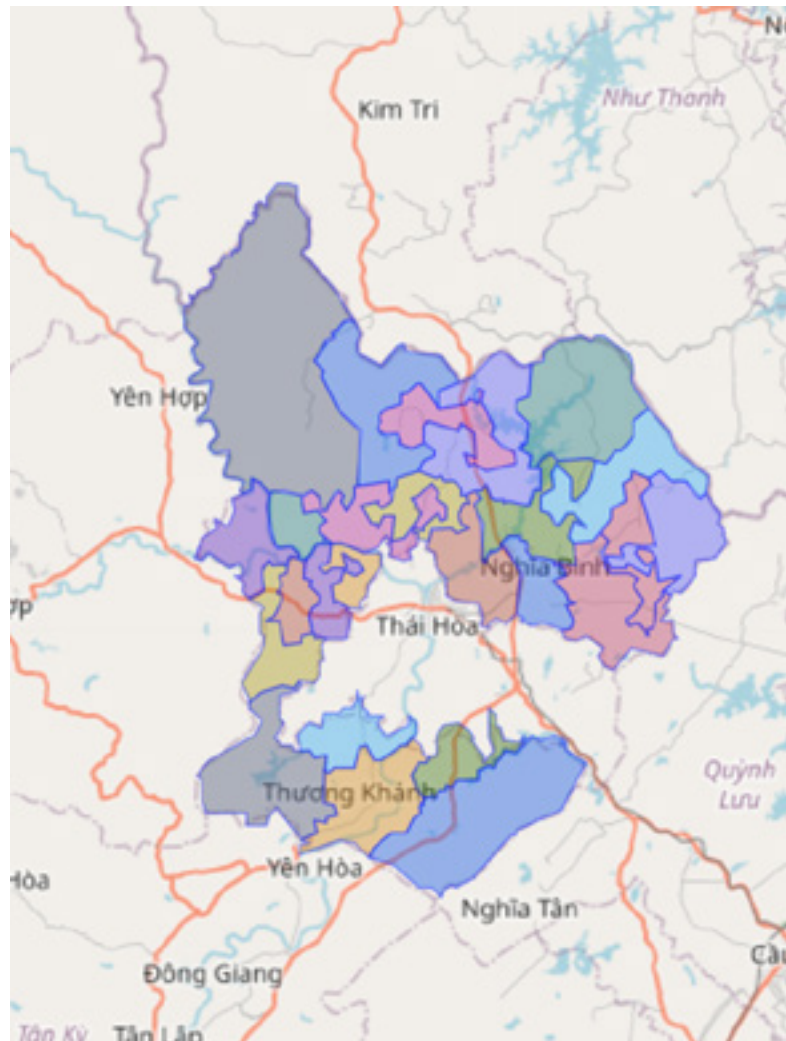
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nghĩa Đàn có 23 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Nghĩa Đàn và 22 xã: Nghĩa An, Nghĩa Bình, Nghĩa Đức, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hội, Nghĩa Hồng, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lạc, Nghĩa Lâm, Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Lợi, Nghĩa Mai, Nghĩa Minh, Nghĩa Phú, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thành, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Thọ, Nghĩa Trung, Nghĩa Yên.



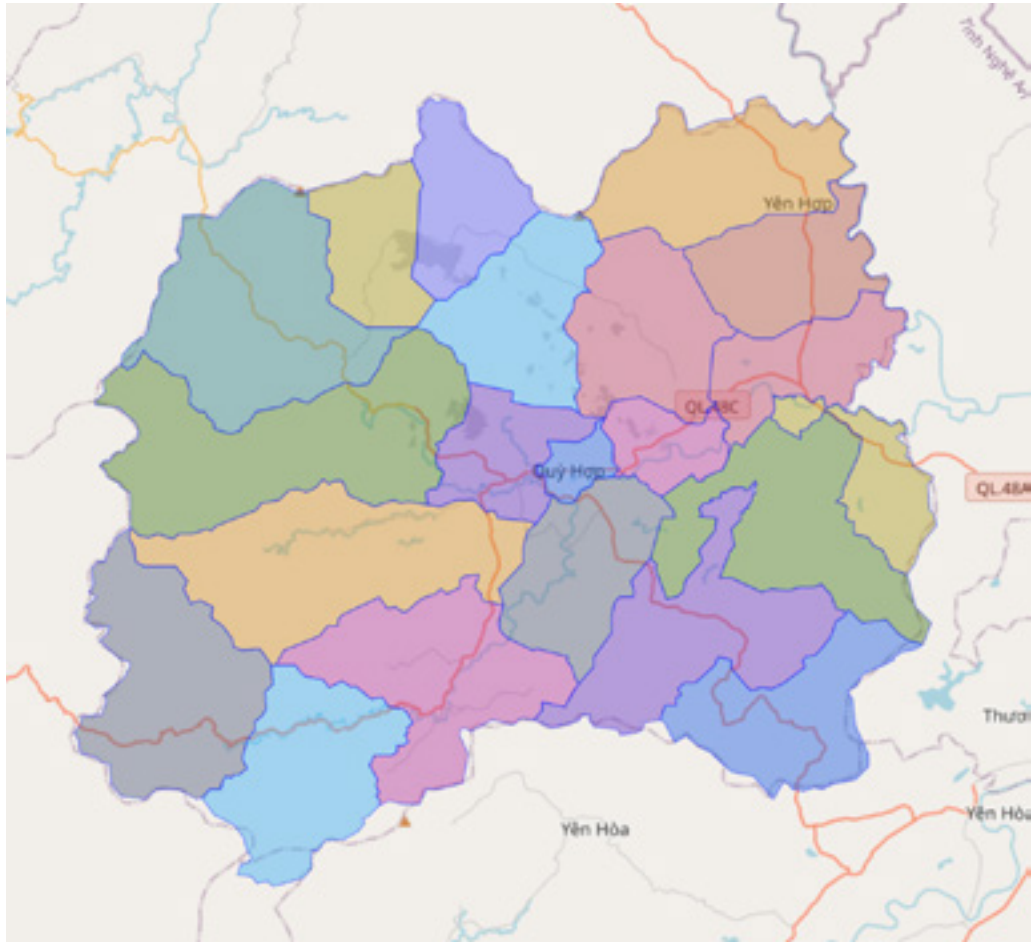
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân giai đoạn 2021 - 2025: 14% -14,5%.
- Giá trị gia tăng bình quân đầu người: 98-100 triệu đồng/người/năm.
- Cơ cấu kinh tế (theo giá tăng thêm hiện hành) công nghiệp - xây dựng 48%-49%; Nông, lâm, ngư nghiệp 30%-31%; Dịch vụ 20%-21%;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2020 - 2025: khoảng 71.315 tỷ đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn: từ 175-180 tỷ đồng.
- Huyện đạt chuẩn Nông thôn mới.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 87,3% - 90,48% (55-57 trường).
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 62% và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chiếm 54% - 55%;
- Số lao động được giải quyết việc làm mới hàng năm: 1.750-1.800 lao động.



- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân mỗi năm: 0,1% - 0,3%.
- Đảng bộ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội cấp huyện được xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Cấp cơ sở có 20% tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có đơn vị xếp loại yếu kém.
- Kết nạp đảng viên bình quân hằng năm từ 160 - 180 đồng chí cả nhiệm kỳ từ 800 - 900 đồng chí). Kết quả vẫn loại đảng viên hằng năm có 90% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó 15-20% được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Chỉ số cải cách hành chính của huyện nằm trong nhóm 5 đơn vị cấp huyện dẫn đầu của tỉnh.

HUYỆN QUỖ HỢP



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Quỳnh Hợp là một huyện miền núi nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Quỳnh Châu

Phía Nam giáp huyện Tân Kỳ và huyện Anh Sơn

Phía Đông giáp huyện Nghĩa Đàn

Phía Tây giáp huyện Con Cuông và huyện Quỳnh Châu.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

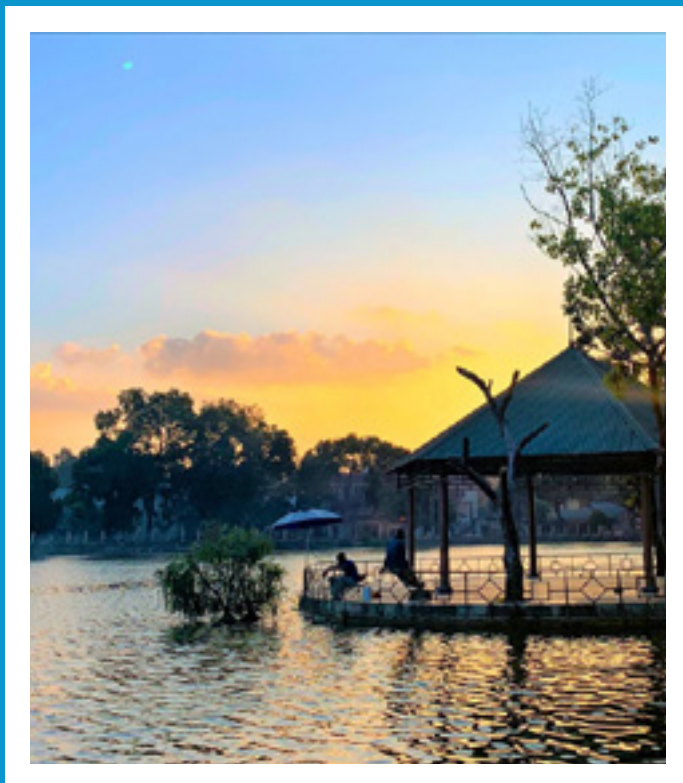
Diện tích: 941,28 km²

Dân số trung bình: 134.154 người.

Mật độ: 143 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Quỳnh Hợp có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 1 thị trấn Quỳnh Hợp và 20 xã: Bắc Sơn, Châu Cường, Châu Đình, Châu Hồng, Châu Lộc, Châu Lý, Châu Quang, Châu Thái, Châu Thành, Châu Tiến, Đồng Hợp, Hạ Sơn, Liên Hợp, Minh Hợp, Nam Sơn, Nghĩa Xuân, Tam Hợp, Thọ Hợp, Văn Lợi, Yên Hợp



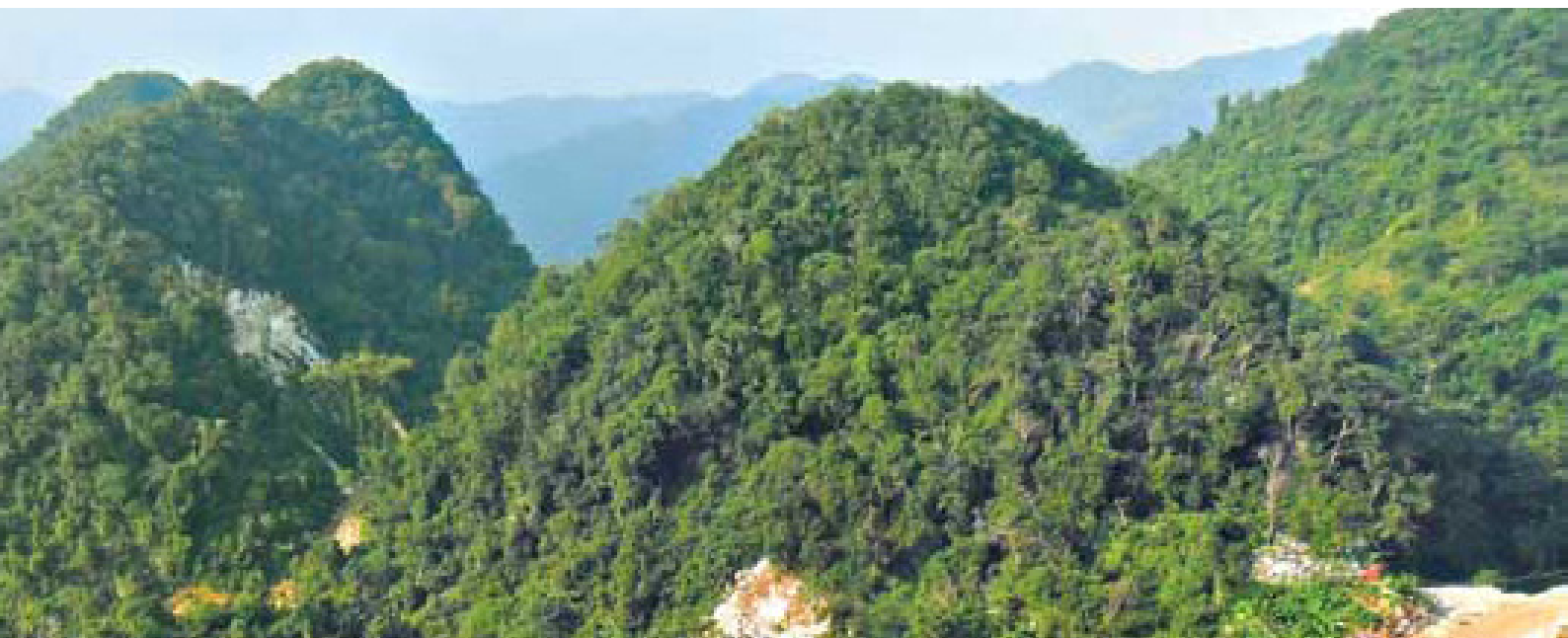
KINH TẾ

- Tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm: 8,5%/năm
- Giá trị tăng thêm bình quân đầu người (VA/người) đến 2025: trên 44 triệu đồng
- Thu nhập bình quân đầu người trên 70 triệu đồng
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 23-24%; Công nghiệp - xây dựng: 40-41%; Dịch vụ thương mại: 35-37%
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2025: 180 - 210 tỷ đồng
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2020-2025: 10.917 tỷ đồng

QUỐC PHÒNG, AN NINH

- 100% Cơ quan quân sự, công an vững mạnh toàn diện
- 100% cơ sở cụm an toàn làm chủ khả và vững mạnh toàn diện, không có cơ sở yếu kém.
- Xây dựng được 1-2 công trình trọng điểm trong khu vực phòng thủ.





VĂN HOÁ, XÃ HỘI

- Tỷ lệ khối, xóm, bản văn hóa: 70% (giảm 7% SO với nhiệm kỳ 2015-2020, do sáp nhập khối, xóm, bản)
- Tỷ lệ xã, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch: 75,2%
- Xây dựng được 1-2 mô hình bản văn hóa để phát triển du lịch cộng đồng
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025: 90%
- Số bác sỹ/vạn dân: 6,4
- Số giường bệnh/vạn dân: 14,6
- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế: 100%
- Tỷ lệ xã, thị trấn có bác sỹ Công tác: 100%
- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo: 62-64%
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 54%
- Số lao động được giải quyết việc làm hàng năm: 1.550 người
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân mỗi năm: 2,5-3%
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025: 8 xã (tăng thêm 2 xã; 16 khối, xóm, bản)



MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng: 50% (giảm 5% so với nhiệm kỳ 2015-2020, để chuyển đổi sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn)
- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 95%.
- Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý: 97%.
- Tỷ lệ dân thị trấn được dùng nước sạch: 100%.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Hàng năm 90% TCCS Đảng “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có TC Đảng “không hoàn thành nhiệm vụ”
- Hàng năm kết nạp được 200-250 đảng viên mới. Đến cuối nhiệm kỳ 80% khối, xóm, bản là đảng viên
- Trong nhiệm kỳ kết nạp được 15-20 đảng viên, thành lập 7-10 đoàn thể và 3-5 chi bộ đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp huyện đạt các tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định: 100%
- Đảng bộ huyện hàng năm đạt loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.



QUỲNH LƯU

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Quỳnh Lưu nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thị xã Hoàng Mai và Biển Đông

Phía Tây giáp huyện Nghĩa Đàn, huyện Tân Kỳ và thị xã Thái Hòa

Phía Nam giáp huyện Yên Thành và huyện Diễn Châu.

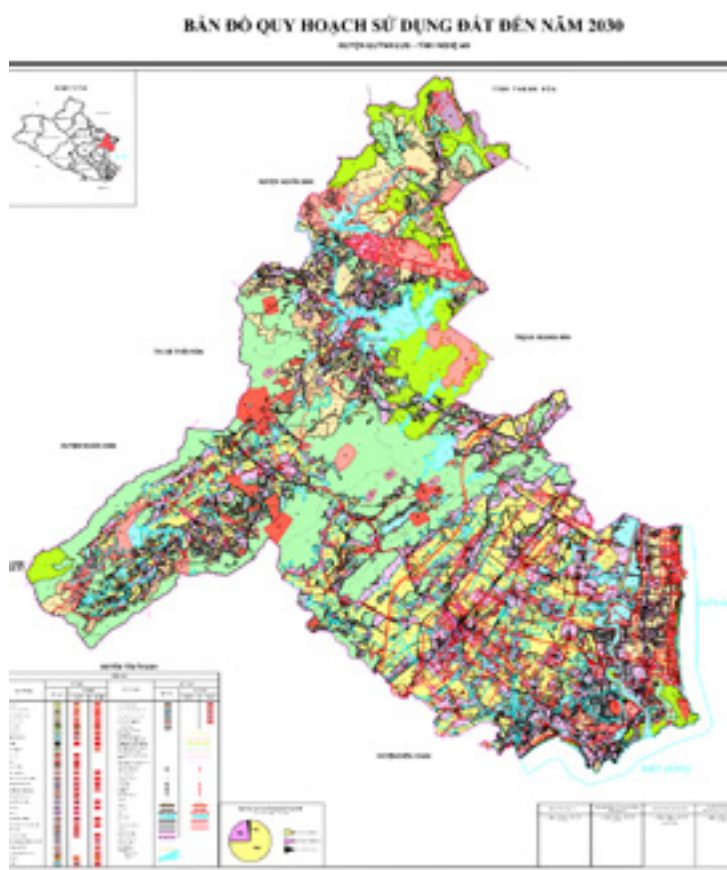
Phía Bắc giáp thị xã Nghi Sơn và huyện Như Thanh thuộc tỉnh Thanh Hóa.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 445,1 km²

Dân số trung bình: 276.259 người.

Mật độ: 627 người/km²





ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Quỳnh Lưu có 33 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Cầu Giát và 32 xã: Quỳnh Thọ, Quỳnh Bá, Quỳnh Bảng, Quỳnh Châu, Quỳnh Diễn, Quỳnh Đôi, Quỳnh Giang, Quỳnh Hậu, Quỳnh Hoa, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hưng, Quỳnh Lâm, Quỳnh Long, Quỳnh Lương, Quỳnh Minh, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Tam, Quỳnh Tân, Quỳnh Thạch, Quỳnh Thắng, Quỳnh Thanh, Quỳnh Thuận, Quỳnh Văn, Quỳnh Yên, An Hòa, Ngọc Sơn, Sơn Hải, Tân Sơn, Tân Thắng, Tiến Thủy.



KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 9,5 - 10,5%
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp 21-22%; Công nghiệp - xây dựng 43-45%; Thương mại - Dịch vụ 34- 35%
- Giá trị thu nhập bình quân đầu người (giá HH) đạt 78 - 82 triệu đồng
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 680-700 tỷ đồng; tăng bình quân hàng năm (không tính tiền đất) đạt 13 - 15%
- Giá trị sản xuất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản bình quân 1 ha canh tác trên 1 năm: 150-155 triệu đồng
- Sản lượng thủy, hải sản: 80-85 ngàn tấn, trong đó sản phẩm qua chế biến và xuất khẩu đạt trên 50%
- Năm 2021, huyện đạt nông thôn mới, 1 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; đến năm 2025 có ít nhất 5 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao.



VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia: 78-80%
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: 78-80%
- Tỷ lệ khu dân cư văn hóa: 76-80%
- Tỷ lệ xã, thị trấn Có thiết chế văn hóa đạt chuẩn Bộ VH-TT&DL: 100%
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 12%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%
- Đến năm 2025, giữ vững và nâng cao chất lượng 33/33 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế; có 20 - 21 giường bệnh và 7 bác sỹ/1 vạn dân
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí hiện hành dưới 0,5%

MÔI TRƯỜNG

- Độ che phủ rừng trên 30%
- Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý trên 97%
- Tỷ lệ hộ dân dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Phấn đấu thành lập mới từ 3-5 tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp tư nhân.
- Bình quân hàng năm kết nạp từ 250 - 300 đảng viên mới.
- Đến năm 2025, có 97% thôn có đảng viên tại chỗ; 90% khối, xóm, bản trở lên Cỏ Xóm trưởng là đảng viên.
- Đến năm 2025, có 100% cán bộ, công chức cấp xã, thị trấn có trình độ cao đẳng trở lên và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ công tác.



XẾP LOẠI HÀNG NĂM

- 100% tổ chức Cơ Sở Đảng được xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ, trong đó: Trên 80% hoàn thành tốt nhiệm vụ; 15 - 20% Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó 2/3 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Công an, Quân sự đạt đơn vị tiên tiến, trong đó ít nhất 3 năm Quyết thắng.
- Đảng bộ huyện được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 2 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

HUYỆN CON CUÔNG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Con Cuông nằm ở phía Tây tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Đông Nam giáp huyện Anh Sơn

Phía Đông Bắc giáp huyện Quỳnh Hợp và Tân Kỳ

Phía Tây Bắc giáp huyện Tương Dương

Phía Tây Nam giáp Lào với đường biên giới dài 61,8 km.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.680,2 km²

Dân số trung bình: 75.168 người.

Mật độ: 43 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Con Cuông có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 1 thị trấn Con Cuông và 12 xã: Bình Chuẩn, Bồng Khê, Cam Lâm, Châu Khê, Chi Khê, Đôn Phục, Lạng Khê, Lục Dạ, Mậu Đức, Môn Sơn, Thạch Ngàn, Yên Khê.





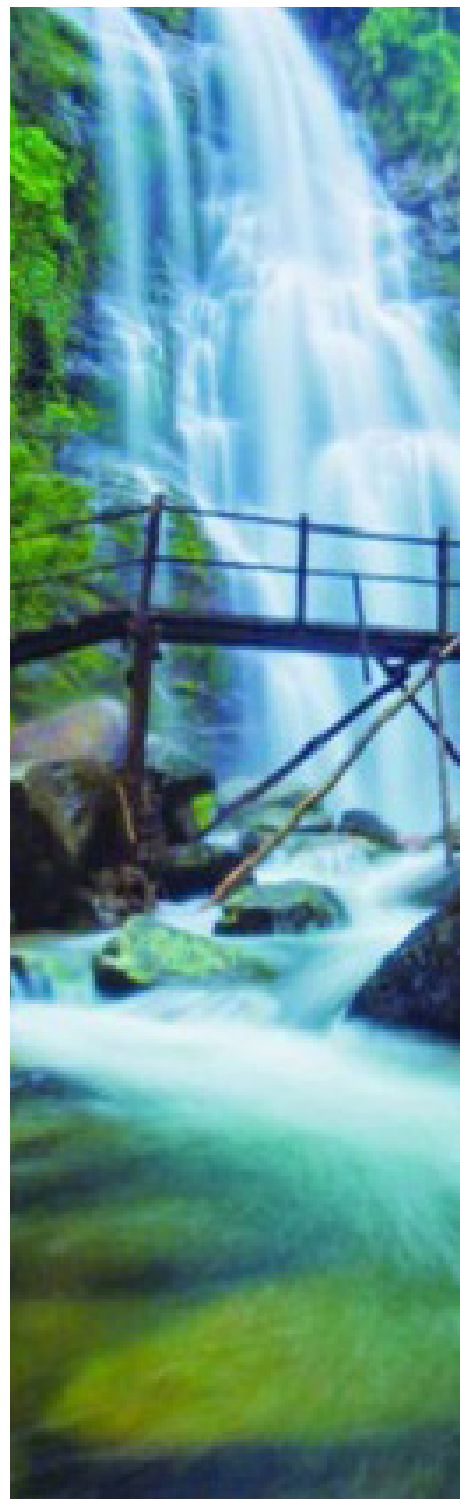
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021- 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế CRDP bình quân 5 năm từ 10 -11%
- Thu nhập bình quân trên 55 triệu đồng/ người/năm
- Thu NSNN trên địa bàn tăng bình quân 10 - 15%/năm
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn đạt 5.000 - 6.000 tỷ đồng
- Phần đầu có thêm 2-3 xã và 25 - 30 thôn, bản đạt chuẩn NTM; xây dựng xã Bồng Khê đạt NTM nâng cao

VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Phấn đấu 97,7% trường đạt chuẩn quốc gia (43/44 trường)
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề 45%
- Xã đạt chuẩn về thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao đạt từ 61 - 70%
- 100% xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em
- Số bác sỹ/1 vạn dân là 12 bác sỹ; tỷ lệ xã có bác sỹ công tác 84,6%
- Giảm hộ nghèo hàng năm từ 3 - 3,5%

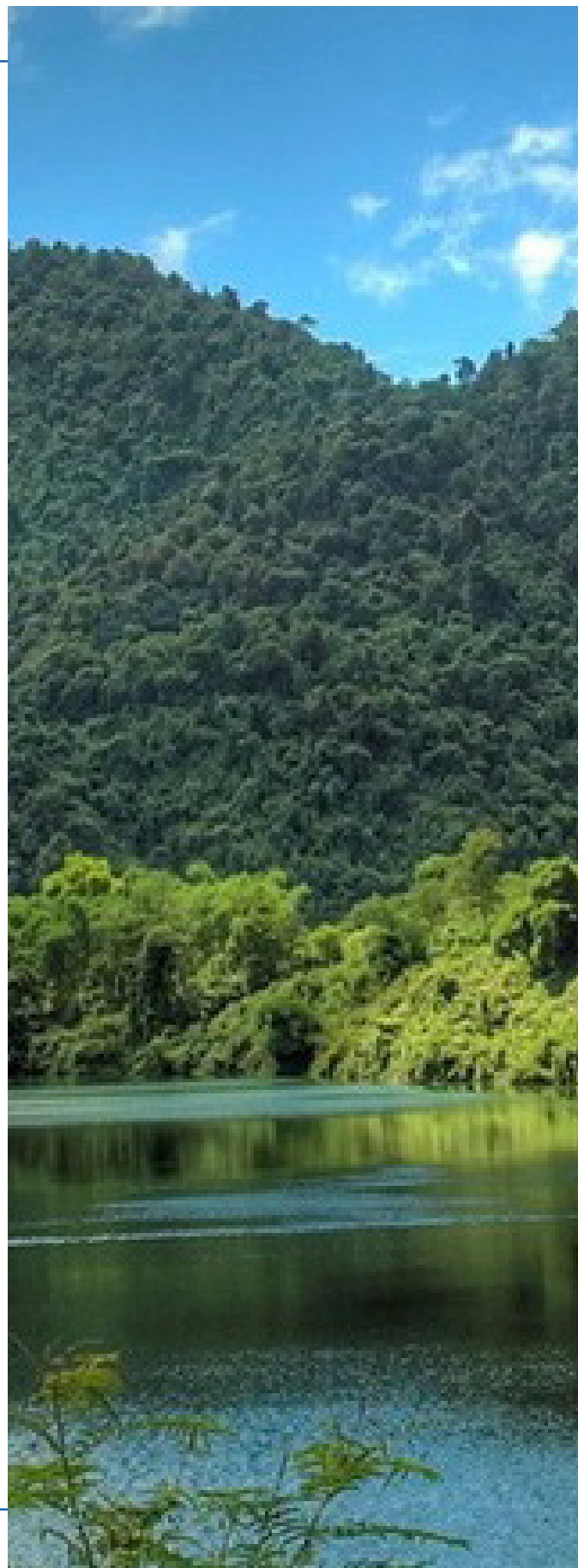
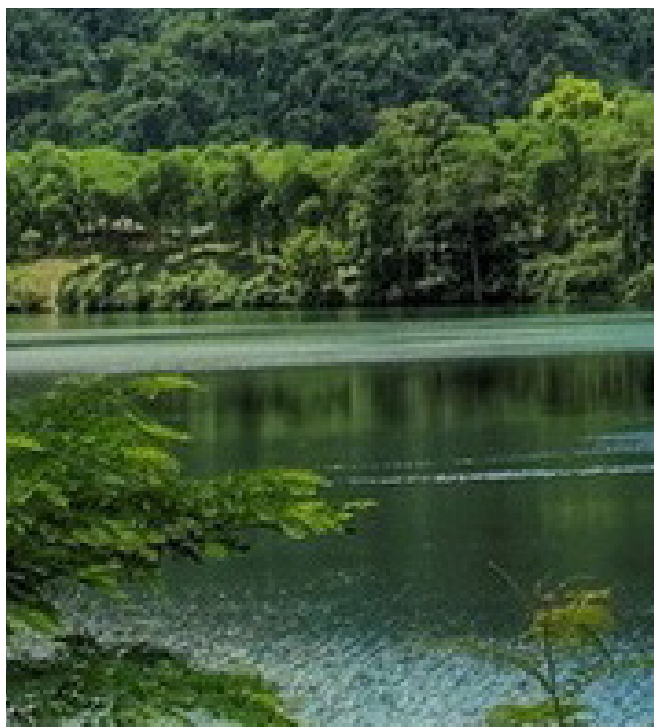


MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 81%
- 85% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ dân đô thị được dùng nước sạch 100%
- 75% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường
- 75% chất thải được thu gom, xử lý

QUỐC PHÒNG AN NINH

- 100% xã, thị trấn đạt cơ sở an toàn làm chủ - vững mạnh toàn diện
- 100% xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”



XÂY DỰNG ĐẢNG, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm đạt 80% trở lên
- 100% cán bộ, công chức cấp huyện có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên và trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên
- 80% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học và lý luận chính trị trung cấp trở lên
- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện được công khai và hoạt động theo cơ chế “một cửa”. Rút ngắn 10% - 20% thời gian giải quyết các TTHC thuộc các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, tài nguyên - môi trường
- Tiếp tục phân đầu và giữ vững 100% khối, xóm, bản có tổ chức đảng và đảng viên
- Kết nạp đảng hàng năm từ 130 - 150 đảng viên



TÂN KỲ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tân Kỳ là một huyện miền núi phía tây của tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Nghĩa Đàn và huyện Quỳnh Hợp

Phía Nam và Đông Nam giáp với huyện Đô Lương

Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Anh Sơn

Phía Đông và Đông Bắc giáp huyện Yên Thành và huyện Nghĩa Đàn.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

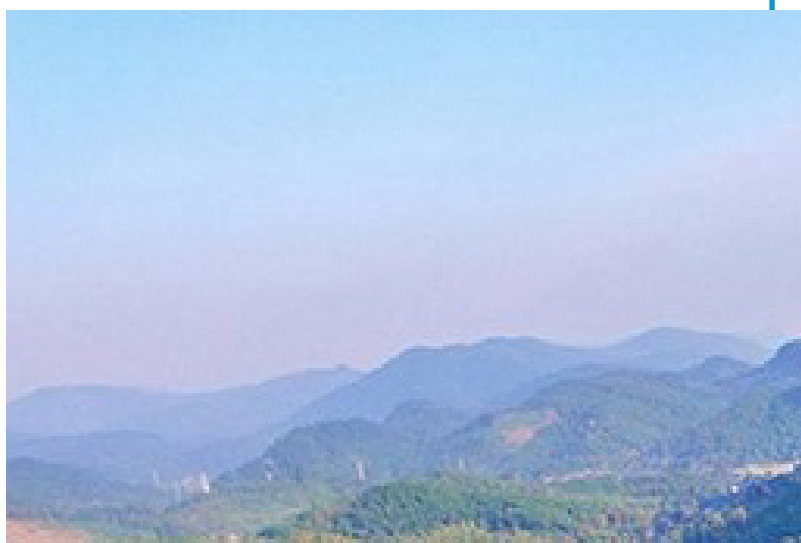
Diện tích: 729,2 km²

Dân số trung bình: 1 người.47.257

Mật độ: 203 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Tân Kỳ có 22 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Tân Kỳ và 21 xã: Đồng Văn, Giai Xuân, Hương Sơn, Kỳ Sơn, Kỳ Tân, Nghĩa Bình, Nghĩa Đồng, Nghĩa Dũng, Nghĩa Hành, Nghĩa Hoàn, Nghĩa Hợp, Nghĩa Phúc, Nghĩa Thái, Phú Sơn, Tân An, Tân Hợp, Tân Hương, Tân Long, Tân Phú, Tân Xuân, Tiên Kỳ.

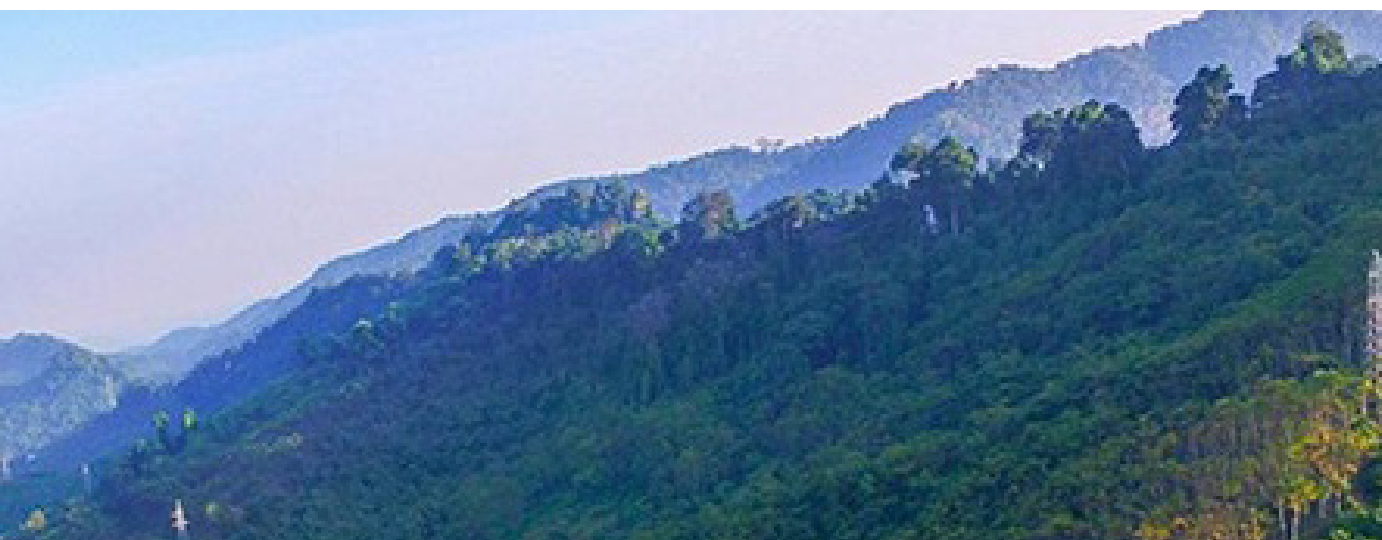




MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 5 năm: 10 - 11%.
- Nông, lâm, ngư nghiệp 23 - 24%; Công nghiệp - Xây dựng 36 - 37%; Dịch vụ 39 - 40%.
- Giá trị gia tăng bình quân đầu người đến 2025: 60 - 65 triệu đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân từ 11,5 - 12,5%/năm và đến 2025 đạt khoảng 155 - 160 tỷ đồng.
- Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 18.000-19.000 tỷ đồng.

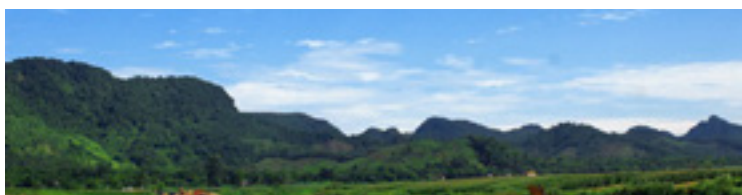


VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Tỷ lệ làng, bản, khối, xóm văn hóa văn hóa đạt 88%; số xã, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 90 - 95%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 90 - 95%.
- Tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ thường xuyên: 86,36%; có 8 bác sỹ/vận dân.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 10%.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 97 98%.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên dưới 1,0%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mỗi năm 0,5 - 1,0%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 65 - 70%, trong đó: Lao động qua đào tạo nghề 50%; giải quyết việc làm bình quân hàng năm khoảng 3.000 - 3.500 người.
- Số xã đạt chuẩn Nông thôn mới đến năm 2025 17 - 18 xã.

MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ hộ gia đình dùng nước hợp vệ sinh 98%.
- Tỷ lệ dân đô thị dùng nước sạch 98%.
- Tỷ lệ che phủ rừng 39 - 40%.
- Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý 93%.
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường 100%.





QUỐC PHÒNG AN NINH

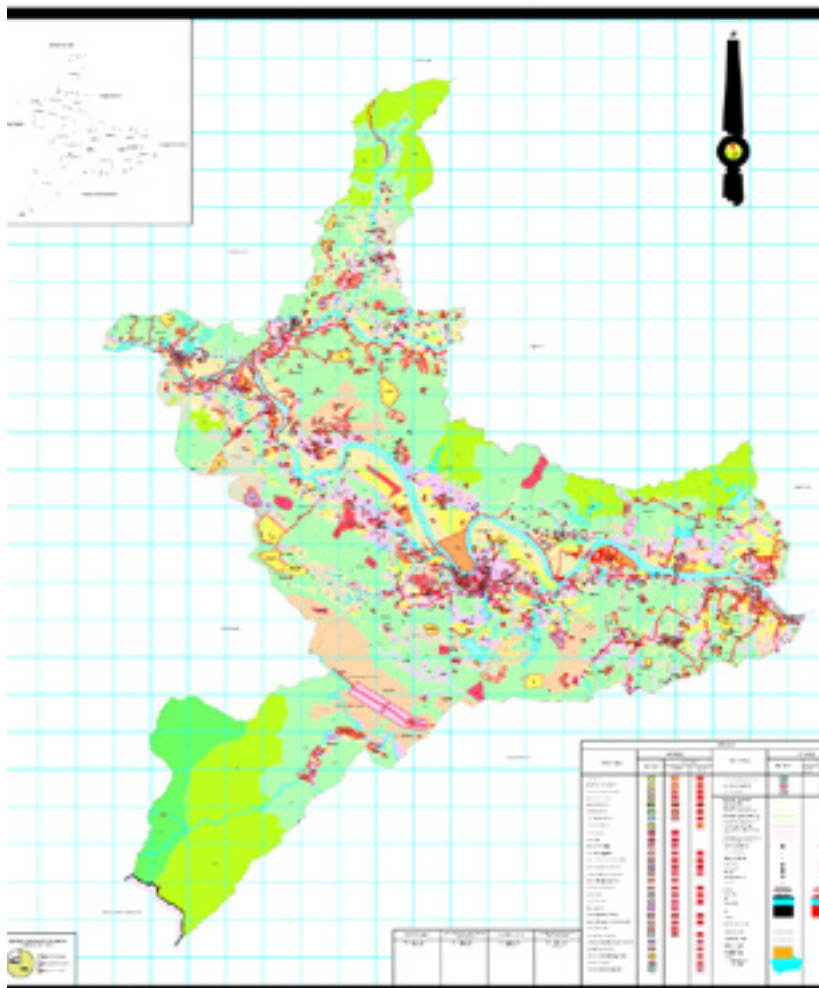
- 100% số xã, thị trấn đạt CỐ SỞ an toàn làm chủ, vững mạnh toàn diện.
- 100% số xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt khá trở lên trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Phấn đấu Đảng bộ huyện, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện hàng năm được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Hàng năm từ 90% trở lên các tổ chức Cơ Sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có tổ chức Cơ Sở đảng yếu kém,
- Thành lập được ít nhất 1 tổ chức đảng thuộc Đề án 5155-ĐAUTU. Đến năm 2025 phấn đấu
- Có trên 90% khối, xóm có xóm trưởng là đảng viên có trên 50 % khối, xóm có bí thư chi bộ đồng thời là xóm trưởng.
- 100% chi bộ và tổ chức cơ sở đảng đều kết nạp được đảng viên hàng năm. Phấn đấu mỗi năm, kết nạp từ 120 - 150 đảng viên mới.

ANH SƠN

**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
HUYỆN ANH SƠN - TỈNH NGHỆ AN**



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Anh Sơn có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Anh Sơn và 20 xã: Bình Sơn, Cẩm Sơn, Cao Sơn, Đình Sơn, Đức Sơn, Hoa Sơn, Hội Sơn, Hùng Sơn, Khai Sơn, Lạng Sơn, Lĩnh Sơn, Long Sơn, Phúc Sơn, Tam Sơn, Tào Sơn, Thạch Sơn, Thành Sơn, Thọ Sơn, Tường Sơn, Vĩnh Sơn.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Anh Sơn là một huyện miền núi thuộc phía Tây tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Đô Lương

Phía Bắc giáp huyện Tân Kỳ và huyện Quỳnh Hợp

Phía Tây giáp huyện Con Cuông và nước Lào

Phía Nam giáp huyện Thanh Chương.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 592,5 km²

Dân số trung bình: 116.922 người.

Mật độ: 193 người/km²



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

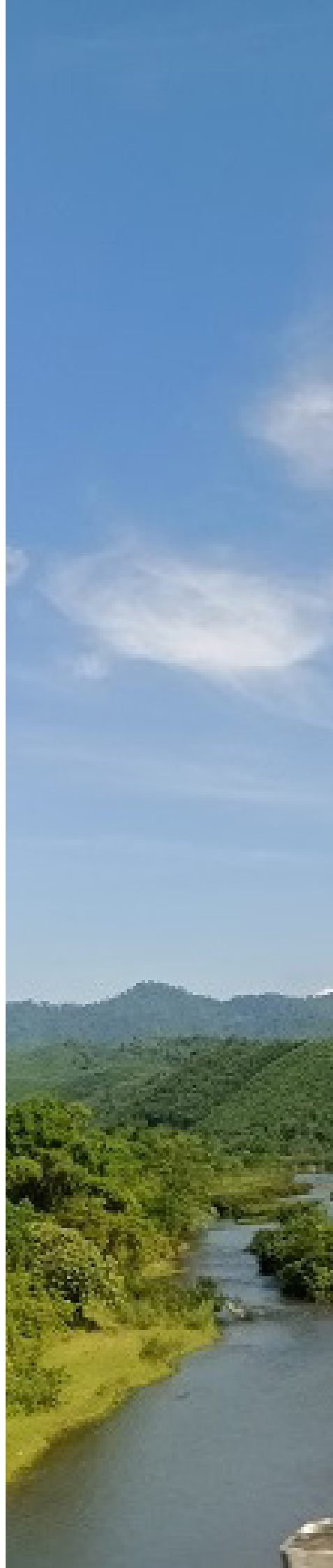
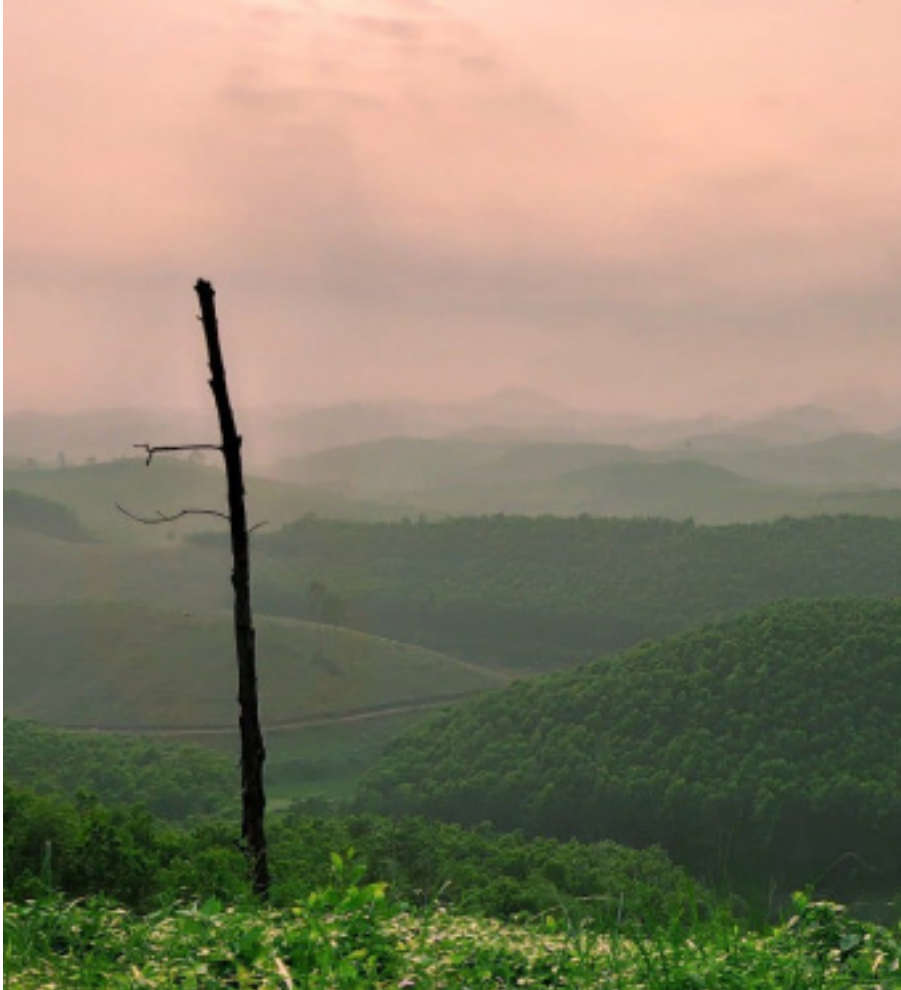
KINH TẾ

- Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh 2020) năm 2025 đạt 12.300 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 13,7%.
- Cơ cấu kinh tế, nông nghiệp: 24,95%; Công nghiệp, xây dựng: 36,55%; dịch vụ: 38,5%.
- Giá trị gia tăng bình quân đầu người đạt 71 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách đạt 115 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 13.000 tỷ đồng.



MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 48,5 - 49%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch đạt 98%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý đạt 82%.



VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố, đơn vị văn hóa đạt 80,15%; tỷ lệ xã, thị trấn có thiết chế văn hóa thể thao đạt chuẩn quốc gia 71,4%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 87%.
- Có 5,8 bác sỹ và 32,1 giường bệnh/1 vạn dân; 100% xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; 100% trạm y tế xã, thị có bác sỹ.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm khoảng 7%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 10,2%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm: 2.500 - 2.900 người.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mỗi năm khoảng 0,2 – 0,5 %.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 95%; tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BHXH đạt 23 - 24%.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 18 xã và đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 6 xã.

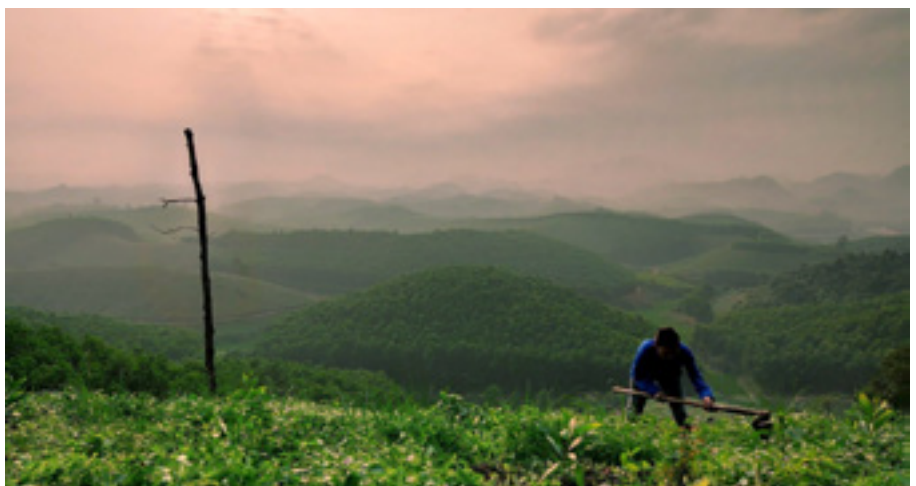


QUỐC PHÒNG AN NINH

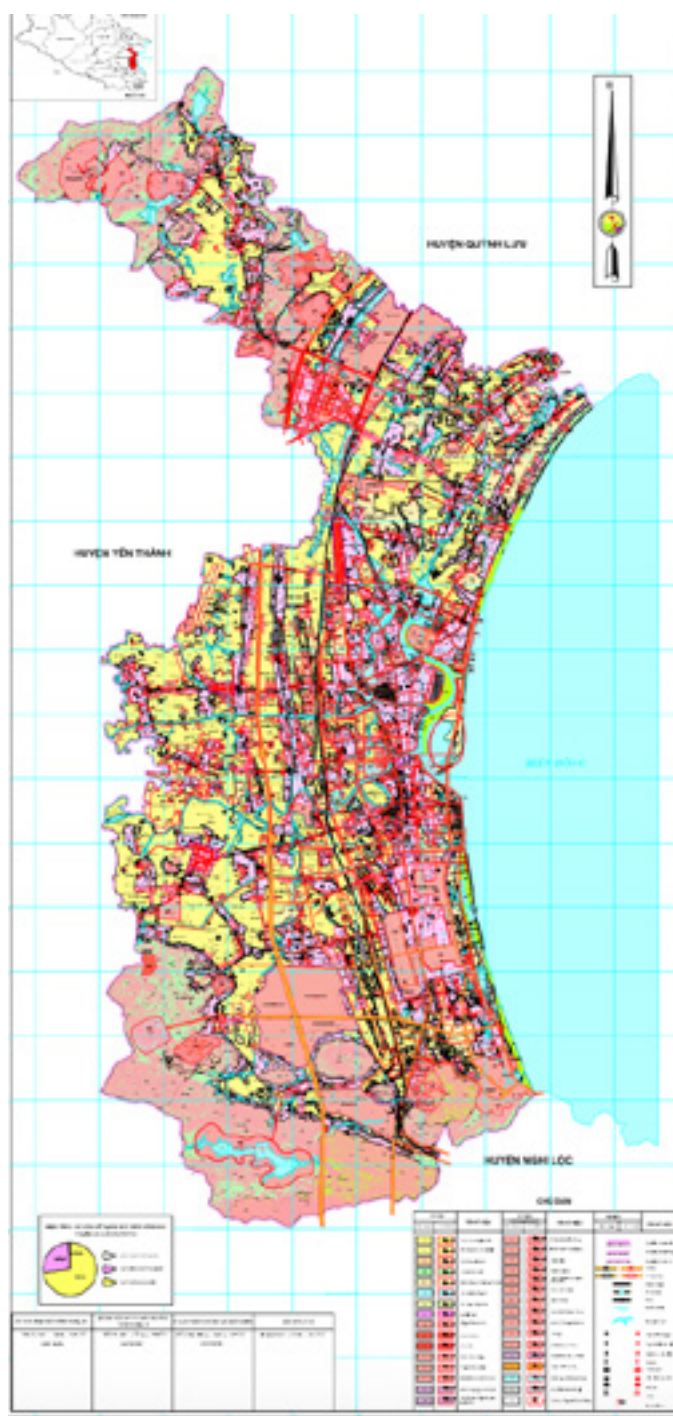
- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt cơ sở an toàn làm chủ đạt 100%.
- 92% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, không có cơ sở yếu kém.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Đảng bộ huyện hằng năm đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, có ít nhất 2 năm đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.
- Hằng năm, có trên 95% Số tổ chức Cơ Sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không có tổ chức CƠ SỞ đảng bị xếp loại
- không hoàn thành nhiệm vụ; 85% số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Hằng năm, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện được cấp trên xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, trong đó phần đầu có từ 20% trở lên số tổ chức được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.
- Đến năm 2025, trên 80% cán bộ, Công chức cấp huyện, xã có lý luận chính trị trung cấp trở lên.
- Hằng năm kết nạp từ 120 - 140 đảng viên mới.
- Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức cấp huyện và 90% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học trở lên.
- 100% qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa, trong đó mức độ 3, mức độ 4 đến năm 2025 đạt từ 55 - 60%.



HUYỆN DIỄN CHÂU



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Diễn Châu là một huyện đồng bằng ven biển thuộc tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Nam giáp huyện Nghi Lộc

Phía Bắc giáp huyện Quỳnh Lưu

Phía Tây giáp huyện Yên Thành

Phía Đông giáp Biển Đông.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 331,62 km²

Dân số trung bình: 312.506 người.

Mật độ: 1.018 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Diễn Châu có 37 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Diễn Châu và 36 xã: Diễn An, Diễn Bích, Diễn Cát, Diễn Đoài, Diễn Đồng, Diễn Hải, Diễn Hạnh, Diễn Hoa, Diễn Hoàng, Diễn Hồng, Diễn Hùng, Diễn Kim, Diễn Kỳ, Diễn Lâm, Diễn Liên, Diễn Lộc, Diễn Lợi, Diễn Mỹ, Diễn Ngọc, Diễn Nguyên, Diễn Phong, Diễn Phú, Diễn Phúc, Diễn Quảng, Diễn Tân, Diễn Thái, Diễn Thành, Diễn Tháp, Diễn Thịnh, Diễn Thọ, Diễn Trường, Diễn Trung, Diễn Vạn, Diễn Xuân, Diễn Yên, Minh Châu.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021- 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất 2020 - 2025 đăng: 10,5 - 11%.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm giai đoạn 2020 – 2025 tăng 9 - 9,5%.
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4-4,5%; công nghiệp - xây dựng tăng 13,5-14%; Dịch vụ 9,5-10%
- Thu nhập bình quân đầu người khoảng 85-90 triệu đồng.
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 19,42%; Công nghiệp - Xây dựng 32,47%; Dịch vụ 48,1%.
- Thu nhập bình quân đầu người khoảng 85 - 90 triệu đồng.
- Giá trị sản xuất bình quân trên 1ha canh tác/năm đạt 130 - 140 triệu đồng. Xây dựng 2 - 3 chuỗi liên kết ứng dụng khoa
- học công nghệ từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.
- Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng bình quân 3,5 - 4%/năm
- Tổng sản lượng thủy sản đạt 54.000 tấn, trong đó: Sản lượng khai thác 47.500 tấn; nuôi trồng 6.500 tấn.
- Thu ngân sách trên địa bàn đạt từ 500 – 520 tỷ đồng, trong đó tiền sử dụng đất từ 200 - 230 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 48 - 50 nghìn tỷ đồng.
- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- 100% số xã, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đợc
- tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 90% làng, xóm, khối, Cơ quan đạt tiêu chuẩn Văn hóa.
- Có 100% số trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 44% đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- Có 9 bác sỹ và 33 giường bệnh/1 vạn dân.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%.
- Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên mỗi năm giảm từ 0,5 - 0,7%, đến năm 2025 dưới 24%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 9%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 77%; bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 4.000 - 4.500 lao động.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mỗi năm 0,5 - 1,0%
- Có 100% SỞ xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

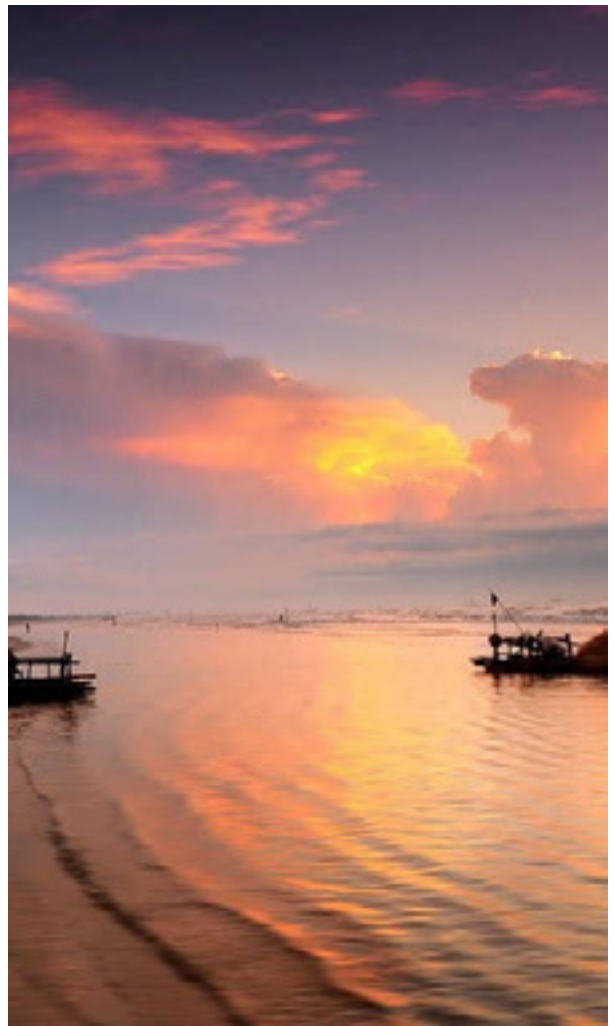


QUỐC PHÒNG - AN NINH

- Quy hoạch, hoàn chỉnh 100% các thành phần thể trận trong KVPT huyện; xây dựng sở chỉ huy và một số công trình chiến đấu trọng điểm theo Đề án xây dựng Khu vực phòng thủ huyện giai đoạn 2021-2025; Trên 90% cơ sở xã, thị trấn đạt vững mạnh toàn diện; 100% cụm cơ sở hoạt động khá, không có cơ sở yếu kém.
- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra điểm nóng, tụ điểm xã hội phức tạp, tạo môi trường an toàn, lành mạnh cho phát triển kinh tế, xã hội, thu hút đầu tư.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Hàng năm, có 90% tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền cơ sở không hoàn thành nhiệm vụ.
- Phấn đấu mỗi năm kết nạp từ 250 - 270 đảng viên mới trở lên (trong đó có 01 - 02 đảng viên là người công giáo, 1 đảng viên là chủ DNTN).
- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm từ 90% trở lên.
- Phấn đấu chi bộ chưa có đảng viên tại chỗ kết nạp được đảng viên mới.
- Hàng năm, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

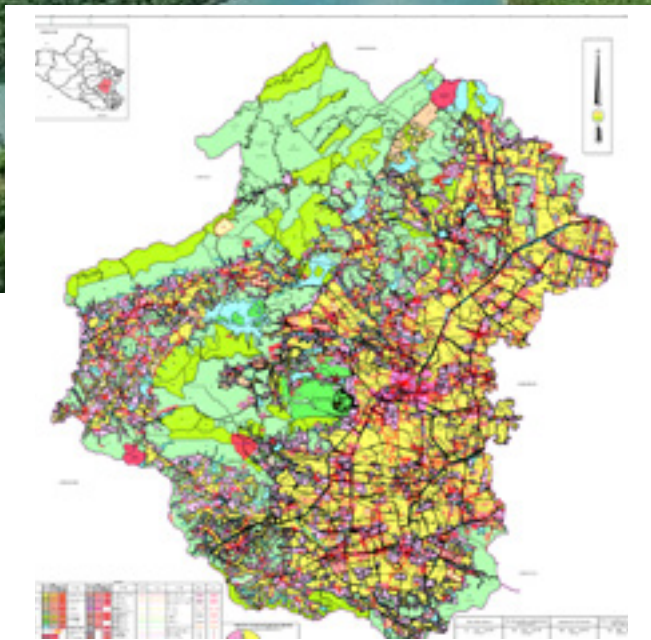


MÔI TRƯỜNG

- Ổn định tỉ lệ che phủ rừng 20,5%.
- Có 100% hộ dân nông thôn được dùng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ NN&PTNT, 70% dân số đô thị được dùng nước sạch.
- Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt khoảng 93%.
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 88%.
- Tỷ lệ cơ sở Sản xuất kinh doanh dịch vụ đạt quy chuẩn môi trường đạt 100%.



YÊN THÀNH



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 551,92 km²

Dân số trung bình: 301.635 người.

Mật độ: 551 người/km²

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Yên Thành là một huyện trung du thuộc tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Quỳnh Lưu

Phía Đông giáp huyện Diễn Châu

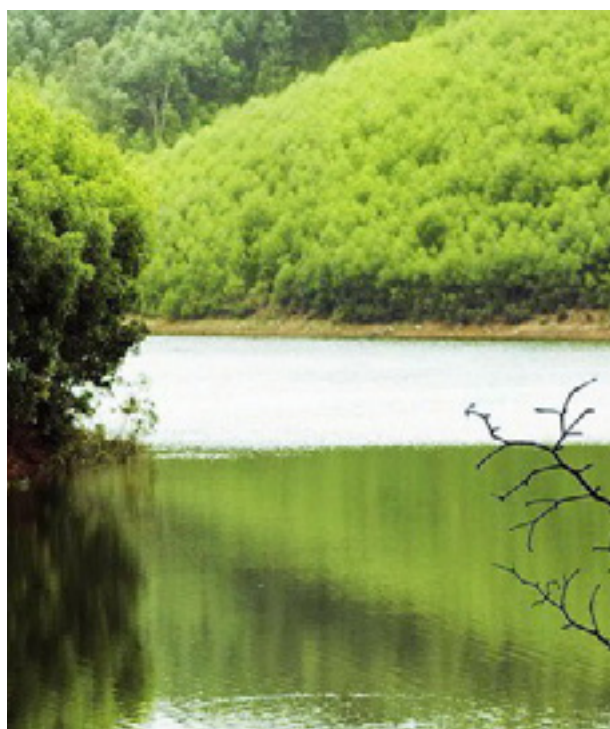
Phía Đông Nam giáp huyện Nghi Lộc

Phía Nam giáp huyện Đô Lương

Phía Tây giáp huyện Tân Kỳ.

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Yên Thành là huyện có nhiều xã nhất cả nước hiện nay, có 39 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Yên Thành và 38 xã: Bắc Thành, Bảo Thành, Công Thành, Đại Thành, Đô Thành, Đồng Thành, Đức Thành, Hậu Thành, Hoa Thành, Hồng Thành, Hợp Thành, Hùng Thành, Khánh Thành, Kim Thành, Lăng Thành, Liên Thành, Long Thành, Lý Thành, Mã Thành, Minh Thành, Mỹ Thành, Nam Thành, Nhân Thành, Phú Thành, Phúc Thành, Quang Thành, Sơn Thành, Tân Thành, Tăng Thành, Tây Thành, Thịnh Thành, Thọ Thành, Tiến Thành, Trung Thành, Văn Thành, Viên Thành, Vĩnh Thành, Xuân Thành.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021- 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm: 9,6-10,6%
- Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm(sad) 75-80
- Cơ cấu kinh tế: Nông - Lâm - Thủy sản 30-32%; Công nghiệp - xây dựng 34-36%; Dịch vụ 35-37%
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 480-500 tỷ đồng
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 15.500-16.500 tỷ đồng
- Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao 40 - 45%



- Trong đó, số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu 3-5 xã
- Tỷ lệ đô thị hóa 12%



MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng 36-37%
- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 99,5%
- Tỷ lệ dân đô thị được dùng nước sạch 99,8%
- Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý 90%
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường 85%



XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Tổ chức Cơ Sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm 90%
- Trong đó, TCCS Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 20%
- Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể được cấp trên công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm 100%
- Trong đó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ >50%
- Kết nạp bình quân hàng năm (đảng viên(sad) 180-200



VĂN HOÁ XÃ HỘI

- Tỷ lệ làng, xóm, khối văn hoá hàng năm 75%
- Tỷ lệ xã, thị trấn có Thiết chế VH TT đạt chuẩn theo quy định của Bộ VH TTDL 100%
- Tỷ lệ người dân tham gia tập luyện TDTT thường xuyên 46-47%
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 95%
- Số bác sỹ/vận dân: 4,7
- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế 100%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 10,5%
- Mức giảm tỷ lệ sinh hàng năm: 0,3-0,5‰
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 59,5%



HUYỆN ĐÔ LƯƠNG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Đô Lương là một huyện nằm ở trung tâm tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Tân Kỳ

Phía Nam giáp huyện Nam Đàn

Phía Đông giáp huyện Yên Thành và Nghi Lộc

Phía Tây giáp huyện Anh Sơn, Thanh Chương.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

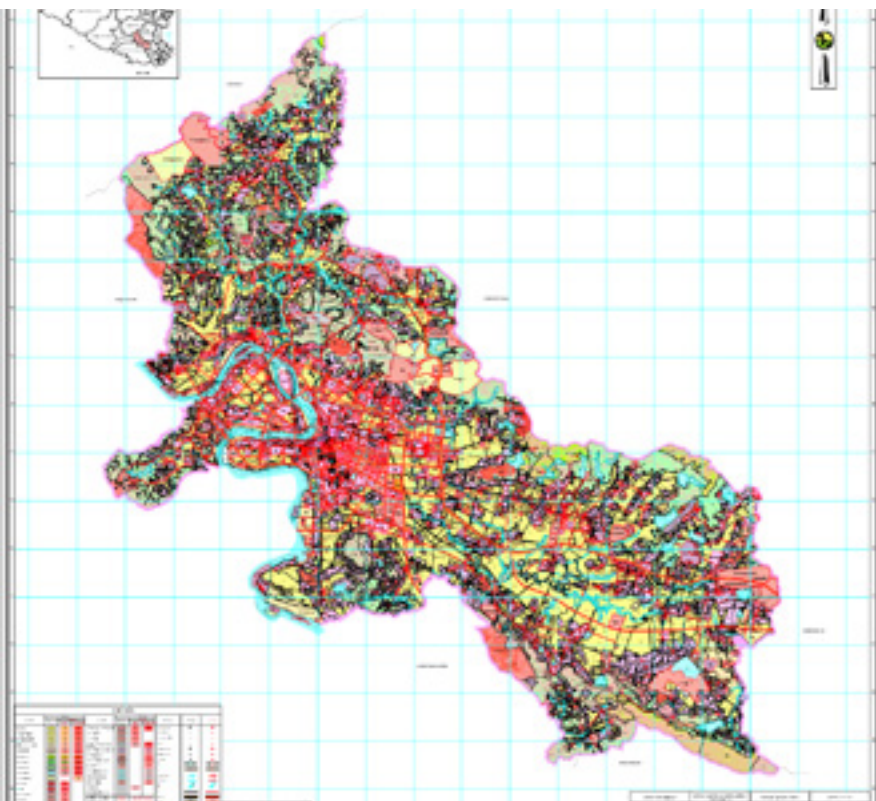
Diện tích: 350,433 km²

Dân số trung bình: 213.543 người.

Mật độ: 601 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đô Lương có 33 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm thị trấn Đô Lương và 32 xã: Bắc Sơn, Bài Sơn, Bồi Sơn, Đà Sơn, Đại Sơn, Đặng Sơn, Đông Sơn, Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây, Hiến Sơn, Hòa Sơn, Hồng Sơn, Lạc Sơn, Lam Sơn, Lưu Sơn, Minh Sơn, Mỹ Sơn, Nam Sơn, Ngọc Sơn, Nhân Sơn, Quang Sơn, Tân Sơn, Thái Sơn, Thịnh Sơn, Thuận Sơn, Thượng Sơn, Tràng Sơn, Trù Sơn, Trung Sơn, Văn Sơn, Xuân Sơn, Yên Sơn.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt từ 10,5% - 11%.
- Tổng giá trị gia tăng: 13.151 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 90 triệu đồng.
- Phấn đấu đến năm 2023 huyện đạt nông thôn mới, có 5 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025.
- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 390 - 420 tỷ đồng.



VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- 100% xã, thị trấn Có thiết chế văn hoá, thể thao đạt chuẩn của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.
- Phần đầu có 90% trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ và 40% trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.
- 100% xã giữ vững chuẩn Quốc gia về y tế 100% trạm y tế xã có bác sỹ và bình quân 3,6 bác sỹ/1 vạn dân.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 63%.
- Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1,5%.



MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng giữ ổn định từ 25-27%.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn dùng nước hợp vệ sinh đạt 98,8%; dân cư đô thị dùng nước sạch đạt 100%,
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt 98,5%.





XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt 200 - 220 đồng chí.
- 100% xóm, khối có tổ chức Đảng; trên 80% xóm trường, khối trường là đảng viên.
- Hằng năm, 100% các ban, ngành, đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Đảng bộ huyện hằng năm phân đầu Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

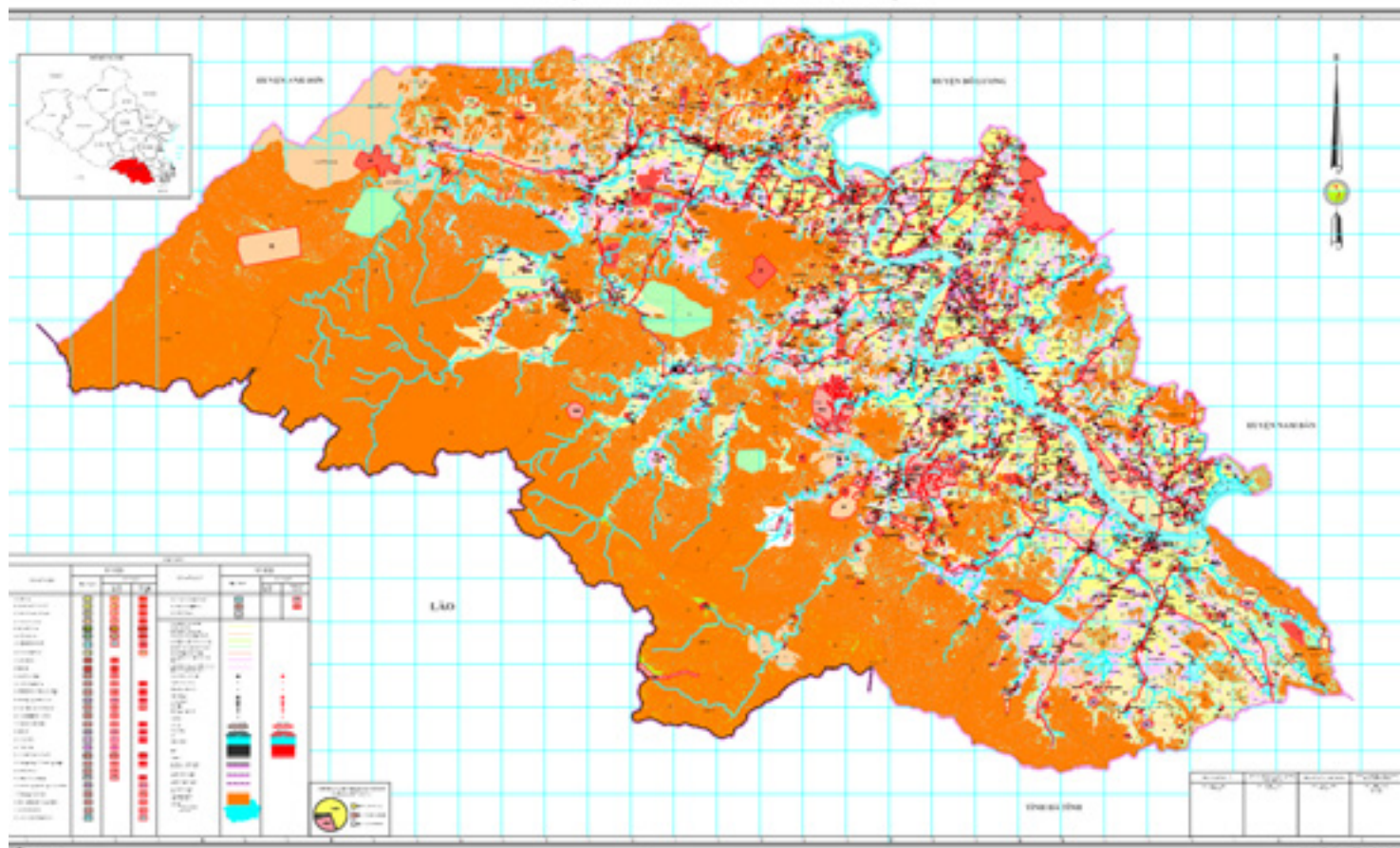


QUỐC PHÒNG- AN NINH

- 100% cụm cơ sở xã, thị trấn an toàn làm chủ hoạt động khá, trong đó 90% cụm vững mạnh toàn diện.
- Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, giao quân, huấn luyện hàng năm.
- Trên 90% số xã, thị trấn và trường học đạt chuẩn về an ninh trật tự.

THANH CHƯƠNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 HUYỆN THANH CHƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thanh Chương là một huyện miền núi, trung du nằm ở phía tây nam tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Tây nam giáp tỉnh Borikhamxay của Lào

Phía Đông giáp huyện Đô Lương và Nam Đàn

Phía Tây bắc giáp huyện Anh Sơn

Phía Đông Bắc giáp huyện Đô Lương

Phía Nam giáp huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Diện tích: 1.228,3 km²

Dân số trung bình: 240.808 người.

Mật độ: 214 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Thanh Chương có 38 đơn vị hành chính, bao gồm thị trấn Thanh Chương và 37 xã: Cát Văn, Đại Đồng, Đồng Văn, Hạnh Lâm, Ngọc Lâm, Ngọc Sơn, Phong Thịnh, Thanh An, Thanh Chi, Thanh Đồng, Thanh Đức, Thanh Dương, Thanh Giang, Thanh Hà, Thanh Hòa, Thanh Hương, Thanh Khai, Thanh Khê, Thanh Lâm, Thanh Liên, Thanh Lĩnh, Thanh Long, Thanh Lương, Thanh Mai, Thanh Mỹ, Thanh Ngọc, Thanh Nho, Thanh Phong, Thanh Sơn, Thanh Thịnh, Thanh Thủy, Thanh Tiên, Thanh Tùng, Thanh Xuân, Thanh Yên, Võ Liệt, Xuân Tường.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2020 - 2025 đạt 9,5 - 10,5%.
- Thu nhập bình quân đầu người 75 - 80 triệu đồng/năm.
- Thu ngân sách trên địa bàn: 415 tỷ đồng.
- Có 31 - 33 xã đạt chuẩn nông thôn mới (81 - 86%), trong đó tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 10 -15% (3 - 5 xã).
- Tổng nguồn vốn đầu tư trong nhiệm kỳ khoảng 25.000 - 30.000 tỷ đồng.

VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- 80 - 85% trường học đạt chuẩn quốc gia.
- 70-72% Xóm, khối, bản đạt đơn vị văn hóa.
- 100% xã, thị trấn đạt bỏ tiêu chí quốc gia về y tế có 6 - 7 bác sỹ và 29 - 32 giường bệnh/vận dân.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72-75 %. Giải quyết việc làm mới hàng năm: 3.200 - 3.300 lao động.
- Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối nhiệm kỳ Còn 1-1,5%.





MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ độ che phủ rừng 54 - 55%
- 97 - 98% hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ hộ dân đô thị sử dụng nước sạch: 90 - 92%.
- Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý: 95 - 97%; Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường 90 - 92%.

QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Tỷ lệ xã, thị trấn hàng năm đạt cơ sở vững mạnh
- toàn diện, cụm an toàn làm chủ: 90%.
- 85 - 87% xã, thị trấn, Cơ quan, đơn vị hàng năm đạt khá trở lên về Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Hàng năm có 90% SỞ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không có tổ chức cơ sở Đảng xếp loại “không hoàn thành nhiệm vụ”.
- Chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội hàng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 50% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Đảng bộ huyện hàng năm đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.”



HUYỆN NGHI LỘC

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Nghi Lộc là một huyện ven biển nằm ở phía Đông Nam tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp Biển Đông và thị xã Cửa Lò

Phía Đông Nam giáp huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Phía Nam giáp thành phố Vinh và huyện Hưng Nguyên

Phía Tây Nam giáp huyện Nam Đàn

Phía Tây giáp huyện Đô Lương

Phía Tây bắc giáp huyện Yên Thành

Phía Bắc giáp huyện Diễn Châu.

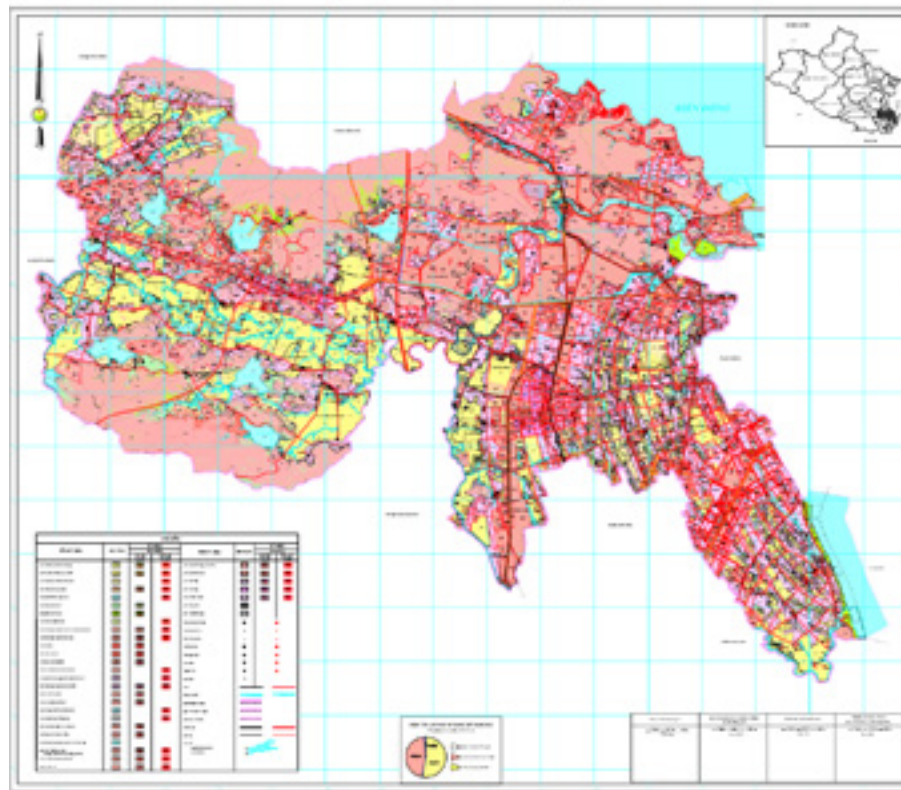
DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 347,70 km²

Dân số trung bình: 218.005 người.

Mật độ: 630 người/km²

**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
HUYỆN NGHI LỘC - TỈNH NGHỆ AN**



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nghi Lộc có 29 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Quán Hành và 28 xã: Khánh Hợp, Nghi Công Bắc, Nghi Công Nam, Nghi Diên, Nghi Đồng, Nghi Hoa, Nghi Hưng, Nghi Kiều, Nghi Lâm, Nghi Long, Nghi Mỹ, Nghi Phong, Nghi Phương, Nghi Quang, Nghi Thạch, Nghi Thái, Nghi Thiết, Nghi Thịnh, Nghi Thuận, Nghi Tiến, Nghi Trung, Nghi Trường, Nghi Vạn, Nghi Văn, Nghi Xá, Nghi Xuân, Nghi Yên, Phúc Thọ.

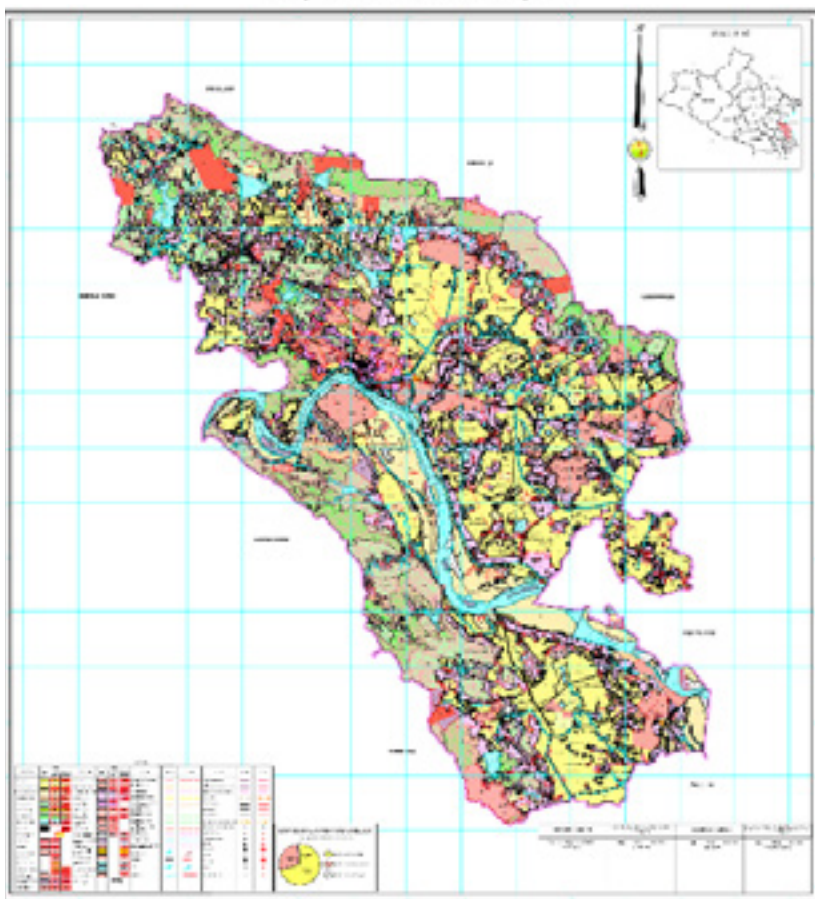
PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU TỔNG QUÁT NHIỆM KỲ 2020 - 2025

- Đẩy mạnh xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội làm tiền đề để phát triển.
- Phát huy nội lực, thu hút và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát triển kinh tế nhanh và bền vững gắn với tăng năng suất lao động và giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.
- Xây dựng Nghi Lộc trở thành địa phương có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên; quốc phòng - an ninh được giữ vững; hệ thống chính trị vững mạnh; trở thành một trong những huyện phát triển nhanh và toàn diện của tỉnh.



NAM ĐÀN

**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030
HUYỆN NAM ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN**



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nam Đàn có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Nam Đàn và 18 xã: Hồng Long, Hùng Tiến, Khánh Sơn, Kim Liên, Nam Anh, Nam Cát, Nam Giang, Nam Hưng, Nam Kim, Nam Lĩnh, Nam Nghĩa, Nam Thái, Nam Thanh, Nam Xuân, Thượng Tân Lộc, Trung Phúc Cường, Xuân Hòa, Xuân Lâm.



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

“Huyện Nam Đàn nằm ở phía đông nam tỉnh Nghệ An, nằm ở hạ lưu sông Lam. Kéo dài từ 18°34'B đến 18°47'B và trải rộng từ 105°24'Đ đến 105°37'Đ, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Hưng Nguyên

Phía Tây giáp huyện Thanh Chương

Phía Nam giáp huyện Hương Sơn và huyện Đức Thọ thuộc tỉnh Hà Tĩnh

Phía Bắc giáp huyện Đô Lương và huyện Nghi Lộc.”

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 293,9 km²

Dân số trung bình: 164.634 người.

Mật độ: 564 người/km²

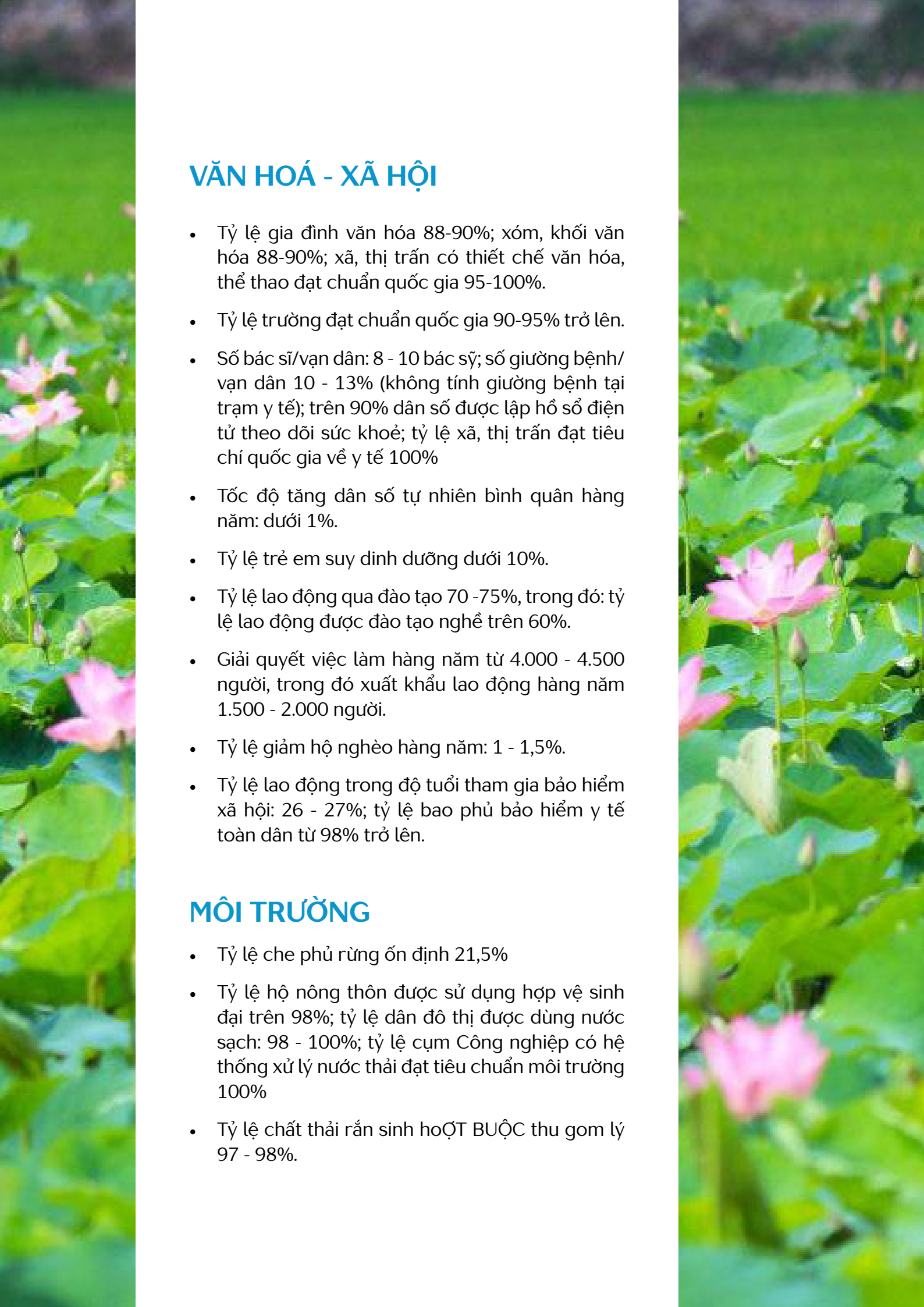


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2020-2025: 10%/năm.
 - Thu nhập bình quân đầu người: 85 - 90 triệu đồng
 - Tổng sản lượng lương thực 90,000 - 92.000 tấn
 - Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính tiền sử dụng đất) 200 tỷ đồng trở lên.
 - Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm: 30.000 tỷ đồng trở lên.
 - Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm và thủy sản 22-24%; Công nghiệp - Xây dựng 37-38%; Dịch vụ 39 - 41%.
- Đến năm 2025, toàn huyện có 18/18 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 06 xã đạt chuẩn nông thôn mi kiểu mẫu; thị trấn Nam Đàn đạt chuẩn Văn minh đô thị.





VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Tỷ lệ gia đình văn hóa 88-90%; xóm, khối văn hóa 88-90%; xã, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn quốc gia 95-100%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 90-95% trở lên.
- Số bác sĩ/vận dân: 8 - 10 bác sĩ; số giường bệnh/vận dân 10 - 13% (không tính giường bệnh tại trạm y tế); trên 90% dân số được lập hồ sơ điện tử theo dõi sức khỏe; tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế 100%
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm: dưới 1%.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 10%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 70 -75%, trong đó: tỷ lệ lao động được đào tạo nghề trên 60%.
- Giải quyết việc làm hàng năm từ 4.000 - 4.500 người, trong đó xuất khẩu lao động hàng năm 1.500 - 2.000 người.
- Tỷ lệ giảm hộ nghèo hàng năm: 1 - 1,5%.
- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội: 26 - 27%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân từ 98% trở lên.

MÔI TRƯỜNG

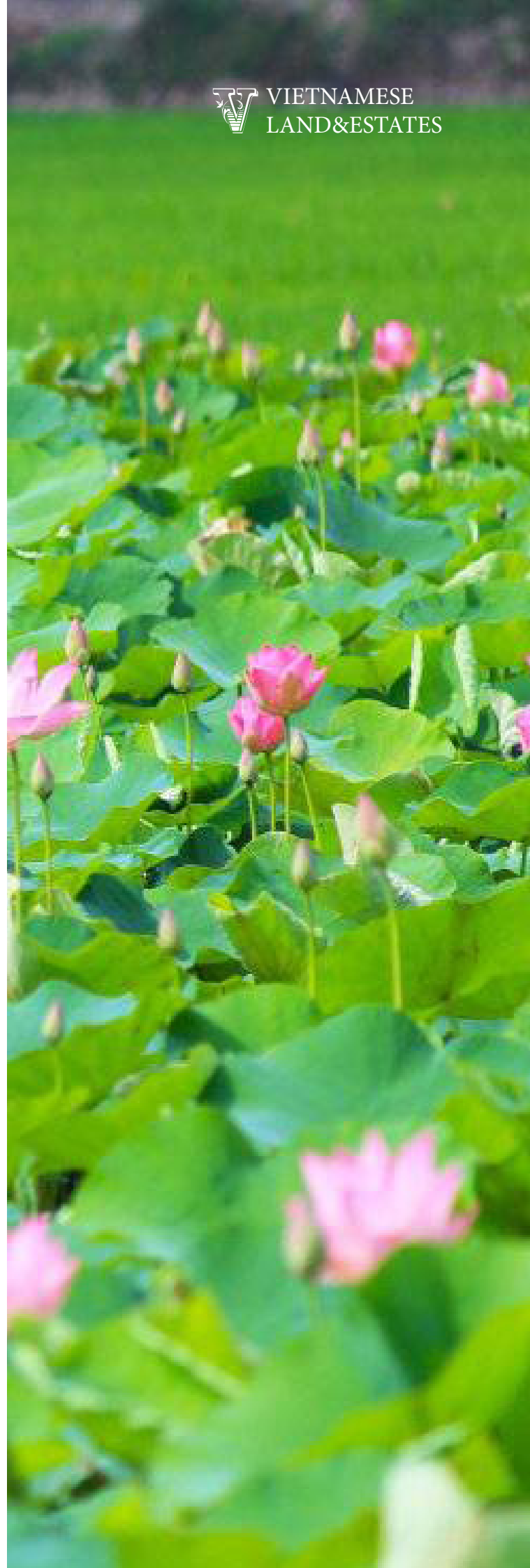
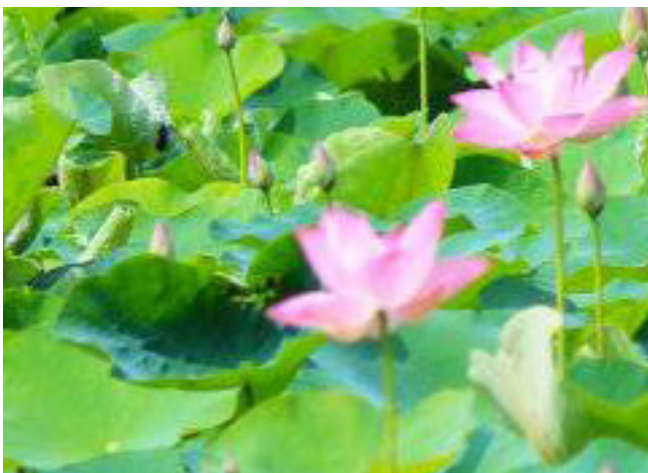
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 21,5%
- Tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng hợp vệ sinh đại trên 98%; tỷ lệ dân đô thị được dùng nước sạch: 98 - 100%; tỷ lệ cụm Công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường 100%
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt BUỘC thu gom lý 97 - 98%.

QUỐC PHÒNG - AN NINH

- Cơ quan quân sự, công an đạt vững mạnh toàn diện.
- 100% xã, thị trấn đạt cơ sở an toàn làm chủ, vững mạnh toàn diện.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn đảm bảo sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp phần đầu tốp 10 của tỉnh.
- Kết nạp đảng Vận mới bình quân hàng năm 200 đảng viên trở lên.
- 100% Cán bộ, công chức huyện, xã có trình độ chuyên môn, chính trị đạt chuẩn theo quy định.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm trên 90%, không có tổ chức cơ sở không hoàn thành nhiệm vụ. Đảng bộ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể huyện 5 năm liền HTTNV trở lên, trong đó ít nhất 2 năm HTXSNV.



HƯNG NGUYÊN



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hưng Nguyên có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Hưng Nguyên và 17 xã: Châu Nhân, Hưng Đạo, Hưng Lĩnh, Hưng Lợi, Hưng Mỹ, Hưng Nghĩa, Hưng Phúc, Hưng Tân, Hưng Tây, Hưng Thành, Hưng Thịnh, Hưng Thông, Hưng Trung, Hưng Yên Bắc, Hưng Yên Nam, Long Xá, Xuân Lam.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Hưng Nguyên là một huyện đồng bằng tả ngạn sông Lam, phía Nam tỉnh Nghệ An, vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thành phố Vinh và giáp huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Phía Tây giáp huyện Nam Đàn

Phía Nam giáp huyện Đức Thọ và thị xã Hồng Lĩnh thuộc tỉnh Hà Tĩnh

Phía Bắc giáp huyện Nghi Lộc.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 159,20 km²

Dân số trung bình: 124.245 người.

Mật độ: 780 người/km²





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,5-10,5%.
- Thu nhập bình quân đạt 73 - 75 triệu đồng/người vào năm 2025.
- Thu ngân sách tăng 10%/năm, đến năm 2025 đạt 1.253 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư phát triển (2021 - 2025) đạt 19 ngàn tỷ đồng.



VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 95%, tỷ lệ làng văn hóa đạt 84%; 100% xã, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn quốc gia.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 là 58/60 trường (96,6%).
- Có 4,5 bác sỹ/1 vạn dân; 100% xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, xã có bác sỹ công tác
- Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm 0,2%/năm.
- Ở Huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có 5 - 6 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao, 2- 3 xã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu.

MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được dùng nước sạch, hợp vệ sinh năm 2025 đạt 100%.
- Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 92%.

QUỐC PHÒNG, AN NINH

- 100% xã, thị trấn đạt cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, vững mạnh toàn diện.
- Giữ vững quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Hàng năm có 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém.
- Đến năm 2025, phấn đấu 100% xóm, khối có tổ chức đảng và đảng viên; 80 - 90% xóm, khối có bí thư chi bộ đồng thời là xóm, khối trưởng.
- Hàng năm Đảng bộ huyện, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể cấp huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó xuất sắc 20%; Đảng bộ huyện phấn đấu 2 - 3 năm xếp loại Đảng bộ vững mạnh.





THỊ XÃ HOÀNG MAI

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thị xã Hoàng Mai nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Nghệ An, có vị trí địa lý:

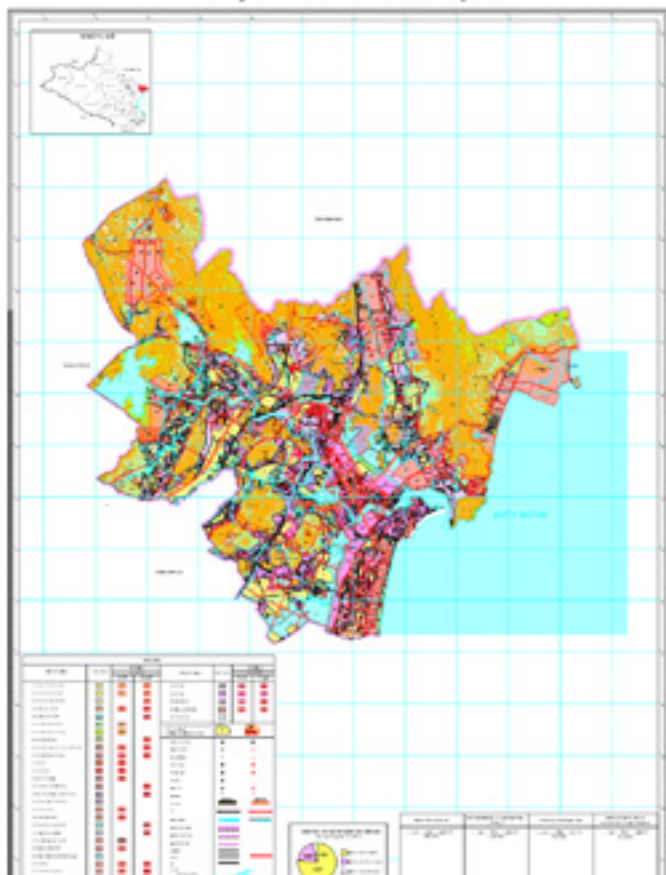
Phía Đông giáp biển Đông

Phía Tây và phía Nam giáp huyện Quỳnh Lưu

Phía Bắc giáp thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.



BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
THỊ XÃ HOÀNG MAI - TỈNH NGHỆ AN



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 169,75 km²

Dân số trung bình: 113.360 người.

Mật độ: 660 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

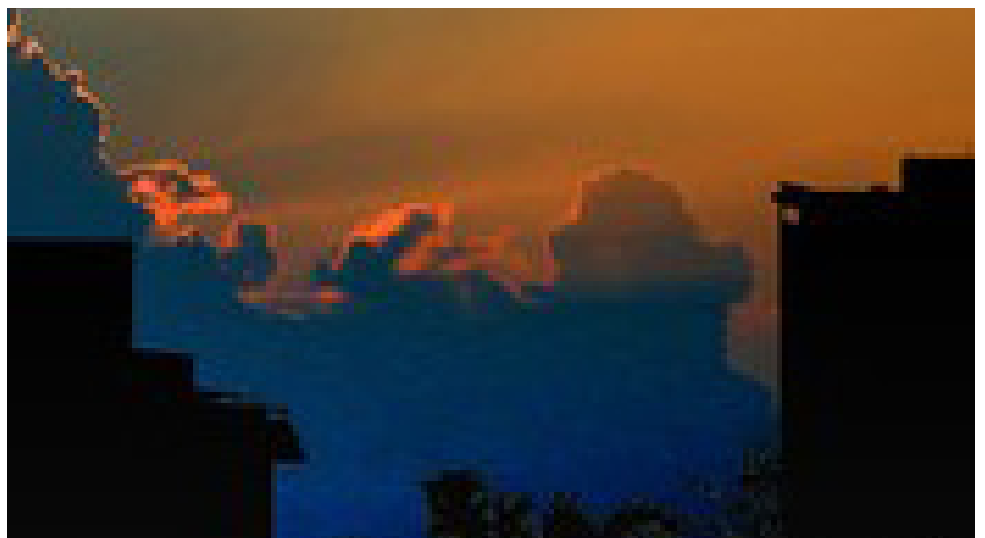
Thị xã Hoàng Mai có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 5 phường: Mai Hùng, Quỳnh Dị, Quỳnh Phương, Quỳnh Thiện, Quỳnh Xuân và 5 xã: Quỳnh Lập, Quỳnh Liên, Quỳnh Lộc, Quỳnh Trang, Quỳnh Vinh.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết một lòng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đưa Hoàng Mai hoàn thành các tiêu chí đô thị loại III trước năm 2025 theo hướng văn minh, hiện đại; trở thành cực tăng trưởng của tỉnh

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân/năm 14-15%.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: CN - XD: 60,72%, Dịch vụ: 27,30%, Nông - Lâm - Ngư: 11,98%.
- Giá trị tăng thêm bình quân đầu người/năm: 105,5 triệu đồng (trong đó, thị xã quản lý 87,24 triệu đồng).
- Tổng thu NSNN trên địa bàn đến năm 2025 đạt 988,65 tỷ đồng, trong đó thu cân đối NSNN đạt 688,65 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025: 71.777 tỷ đồng.
- Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản hàng năm trên 62.000 tấn.
- Đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn dưới 1% (theo chuẩn hiện hành).
- Đảng bộ thị xã xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Đến năm 2024, Thị xã đạt các tiêu chí đô thị loại III, theo quy định của Nghị định 42/CP.





Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của Tỉnh Nghệ An Nhiệm Kỳ 2020 - 2025

TỈNH NGHỆ AN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An
lần thứ XIX (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://www.tapchicongsan.org.vn>

THÀNH PHỐ VINH

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Vinh
lần thứ XXIV (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://nghean.dcs.vn>

THỊ XÃ CỬA LÒ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thị Xã Cửa Lò
lần thứ XXIV (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

THỊ XÃ THÁI HOÀ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thị Xã Thái Hoà
lần thứ III (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN QUẾ PHONG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Quế Phong
lần thứ XXII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN QUỲ CHÂU

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Quỳnh Châu
lần thứ XXVI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN KỲ SƠN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Kỳ Sơn
lần thứ XXIII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Tương Dương
lần thứ XXVII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<http://www.tuongduong.nghean.gov.vn/>

HUYỆN NGHĨA ĐÀN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Nghĩa Đàn
(Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN QUỲ HỢP

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Quỳnh Hợp
lần thứ XXI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN QUỲNH LƯU

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Quỳnh Lưu
lần thứ XXVIII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN CON CUÔNG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Con Cuông
lần thứ XXVIII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN TÂN KỲ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Tân Kỳ
lần thứ XXI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN ANH SƠN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Anh Sơn
lần thứ XXI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN DIỄN CHÂU

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Diễn Châu
lần thứ XXXI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN YÊN THÀNH

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Yên Thành
lần thứ XXVI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN ĐÔ LƯƠNG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Đô Lương
lần thứ XXVI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN THANH CHƯƠNG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Thanh Chương
lần thứ XXXI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN NGHI LỘC

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Nghi Lộc
lần thứ XXIX (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN NAM ĐÀN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Nam Đàn
lần thứ XXVII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

HUYỆN HƯNG NGUYÊN

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Hưng Nguyên
lần thứ XXIX (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

THỊ XÃ HOÀNG MAI

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thị Xã Hoàng Mai
lần thứ II (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://baonghean.vn/>

Diện tích, dân số và mật độ dân số của Tỉnh Nghệ An

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km2)	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km2)
TOÀN TỈNH	16.490,25	3.327.791	202
Thành Phố Vinh	104,5	339.114	3.230
Thị Xã Cửa Lò	27,81	55.668	1.993
Thị Xã Thái Hoà	135,14	66.127	490
Huyện Quế Phong	1.890,32	71.940	38
Huyện Quỳnh Châu	1.058,04	57.813	55
Huyện Kỳ Sơn	2.094,84	80.288	38
Huyện Tương Dương	2.812,07	77.830	28
Huyện Nghĩa Đàn	617,55	140.515	228
Huyện Quỳnh Hợp	941,28	134.154	143
Huyện Quỳnh Lưu	445,1	276.259	627
Huyện Con Cuông	1.680,2	75.168	43
Huyện Tân Kỳ	729,2	47.257	203
Huyện Anh Sơn	592,5	116.922	193
Huyện Diễn Châu	331,62	312.506	1.018
Huyện Yên Thành	551,92	301.635	551
Huyện Đô Lương	350,433	231.543	601
Huyện Thanh Chương	1.228,3	240.808	214
Huyện Nghi Lộc	347,70	240.808	214
Huyện Nam Đàn	293,9	164.634	564
Huyện Hưng Nguyên	159,20	124.245	780
Thị Xã Hoàng Mai	169,75	113.360	660

